BÁO CÁO QUY HOẠCH

QUY HOẠCH CHUNG XÃ

HƯƠNG PHỐ

TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2050

HÀ TĨNH, THÁNG 8/ 2026

01 Giới thiệu chung

Brief infomations

Phương pháp tiếp cận

Bối cảnh và tầm nhìn phát triển



- Phân tích các điều kiện phát triển của Tỉnh làm định hướng
- Tìm hiểu về thực trạng và bối cảnh phát triển của địa bàn nghiên cứu
- Xác định các vấn đề và trọng tâm nghiên cứu

Định hướng phát triển



- Thảo luận với chính quyền, cộng đồng và các bên liên quan để xác định các trọng tâm
- Nhận định các hoạt động, chức năng chủ đạo của địa bàn nghiên cứu

Xây dựng chiến lược và phương án phát triển

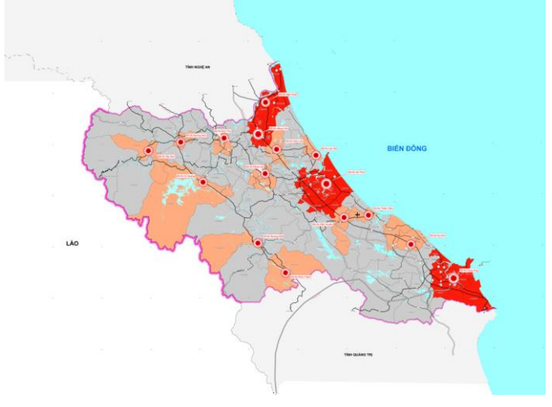

- Đề xuất các ý tưởng và phương án
- Làm rõ tính khả thi cho phát triển gồm:
- + Phân vùng phát triển
- + Phân bố cơ sở hạ tầng cho các động lực phát triển
- + Phân bố dân cư và hệ thống HTXH
- + Phân bố mạng lưới HTKT và giao thông

Hoàn thiện công tác QH



- Xác định các hành động cần thiết gồm:
- + Tổ chức không gian
- + Kiểm soát sử dụng đất
- + Quy hoạch hạ tầng và giao thông
- + Xác lập các dự án ưu tiên

Phương pháp nghiên cứu

Mô hình TOP- DOWN

Nghiên cứu từ các định hướng, quy hoạch cấp trên.

1. Quy hoạch Tỉnh
2. Quy hoạch đất đai
3. Quy hoạch vùng huyện Hương Khê (cũ)

Mô hình BOTTOM- UP

Nghiên cứu từ các nhu cầu, thực tiễn cấp cơ sở

1. Định hướng phát triển kinh tế, xã hội
2. Nhu cầu về HTXH, HTKT
3. Quy hoạch các xã NÔNG THÔN MỚI

Tiến trình nghiên cứu

Các nội dung trong QH Tỉnh



Các kế thừa trong quy hoạch vùng huyện Hương Khê

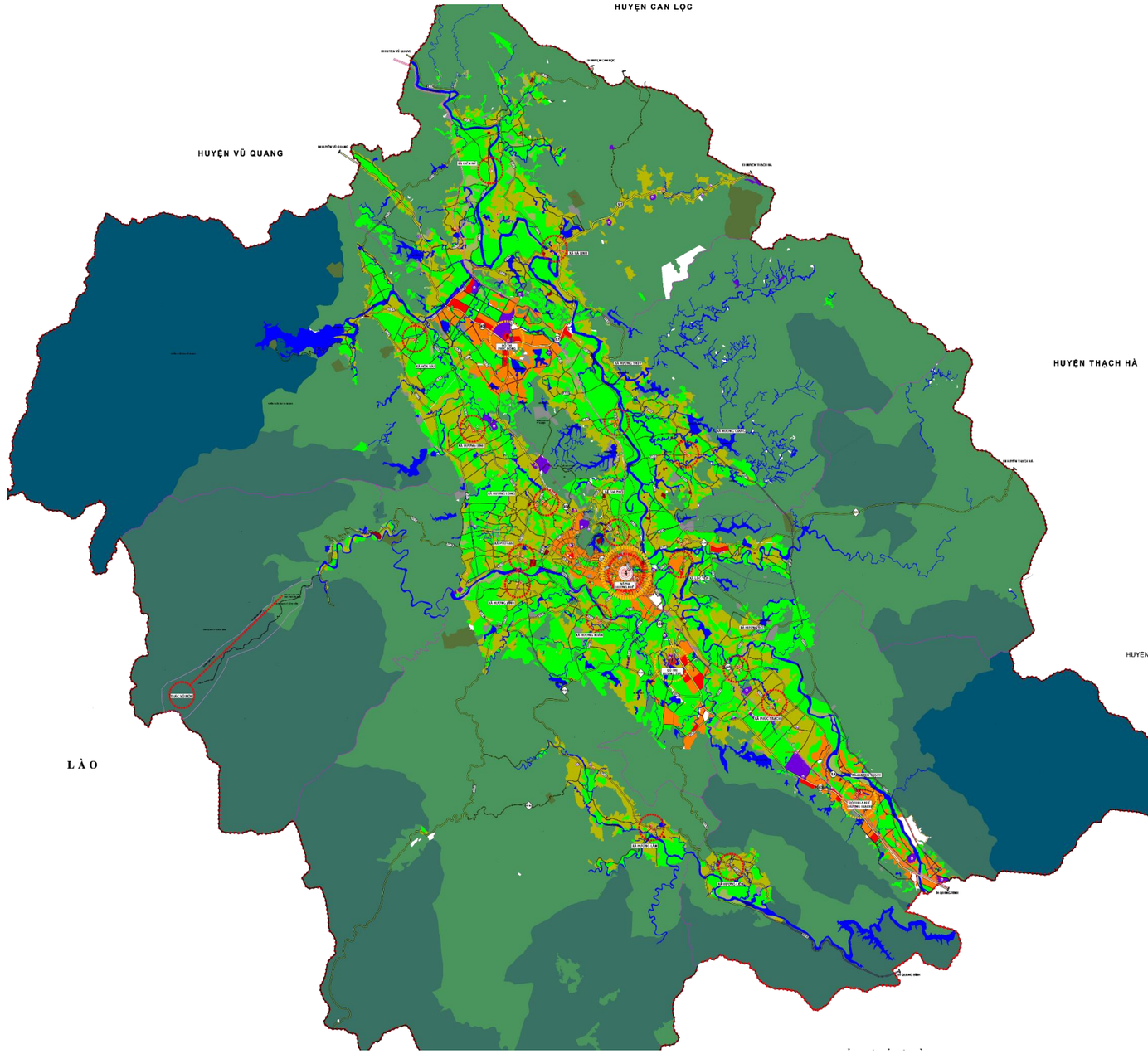

Giới thiệu chung

Brief infomations

Tiến trình nghiên cứu

Báo cáo xin ý kiến lần 1	Ngày 22/06/2026	Đại diện Sở xây dựng và các xã trên địa bàn	Trao đổi về định hướng tổng thể về hướng phát triển
Làm việc chuyên môn với các xã	Từ 27/6/2026 – 3/7/2026	Tiếp xúc xin ý kiến của 7 xã :	Trao đổi về yêu cầu và đặc điểm phát triển cụ thể từng xã

01 Giới thiệu chung

Brief infomations

Các vấn đề ĐƯỢC thảo luận – nghiên cứu

NHÓM NỘI DUNG ĐƯỢC QUAN TÂM

1 Đặc trưng và tính chất phát triển

- Tác động phát triển của xã đối với khu vực
- Mức độ chịu ảnh hưởng từ các tác nhân vùng, khu vực.

2 Không gian phát triển kinh tế

- Yêu cầu phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản
- Yêu cầu phát triển tiểu thủ công nghiệp và cụm công nghiệp
- Yêu cầu phát triển thương mại – dịch vụ

3 Không gian phát triển hạ tầng xã hội và an ninh quốc phòng

- Ổn định và phát triển dân cư
- Mạng lưới hạ tầng xã hội – trung tâm xã và cấp thôn xóm
- Công trình an ninh quốc phòng

4 Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Mạng lưới giao thông
- Các đầu mối hạ tầng kỹ thuật gây bức xúc: Cấp nước, Bãi rác, Nghĩa trang
- Mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội khác

CẤP ĐỘ NGHIÊN CỨU CẦN QUAN TÂM

Nghiên cứu cấp độ " VÙNG"

- Nghiên cứu tính liên kết hạ tầng, giao thông
- Nghiên cứu phân bố hoạt động kinh tế
- Nghiên cứu tính liên kết "chuỗi" sản phẩm, hàng hóa

Việc nghiên cứu này đòi hỏi có sự thống nhất và đồng bộ các xã trên địa bàn huyện Hương Khê cũ

Nghiên cứu cấp độ " XÃ"

- Nghiên cứu kết nối với khung giao thông, hạ tầng vùng
- Nghiên cứu xác lập quy mô, hoạt động đầu tư
- Nghiên cứu không gian HẠ TẦNG CƠ SỞ

Việc nghiên cứu này được báo cáo và làm việc cụ thể với từng Xã để hoạch định kế hoạch triển khai

Nội dung báo cáo – dự thảo

PHẦN 1: NỘI DUNG VỀ ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN **TỔNG THỂ** 7 XÃ

- Đánh giá và xác định những yêu cầu từ quy hoạch Tỉnh
- Đánh giá so sánh thực trạng các xã hiện nay
- Định hướng phát triển không gian liên kết 7 xã

PHẦN 2: NỘI DUNG VỀ ĐỊNH HƯỚNG **TỔ CHỨC KHÔNG GIAN XÃ**

- Định hướng liên kết giao thông
- Định hướng không gian nông nghiệp – phát triển nông nghiệp
- Định hướng không gian công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp
- Định hướng không gian Thương mại – dịch vụ
- Định hướng không gian tiềm năng cho phát triển Du lịch
- Định hướng không gian trung tâm xã và chuyển đổi công năng trung tâm xã cũ
- Định hướng về an ninh quốc phòng
- Định hướng về công trình HTXH và HTKT

BÁO CÁO QUY HOẠCH

PHẦN 1

ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN TỔNG THỂ

7 XÃ :

HƯƠNG KHÊ, HƯƠNG ĐÔ, HƯƠNG PHỐ, HƯƠNG XUÂN, HƯƠNG BÌNH, PHÚC TRẠCH, HÀ LINH

TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2050

HÀ TĨNH, THÁNG 8/ 2026

Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Đánh giá những yêu cầu từ quy hoạch tỉnh

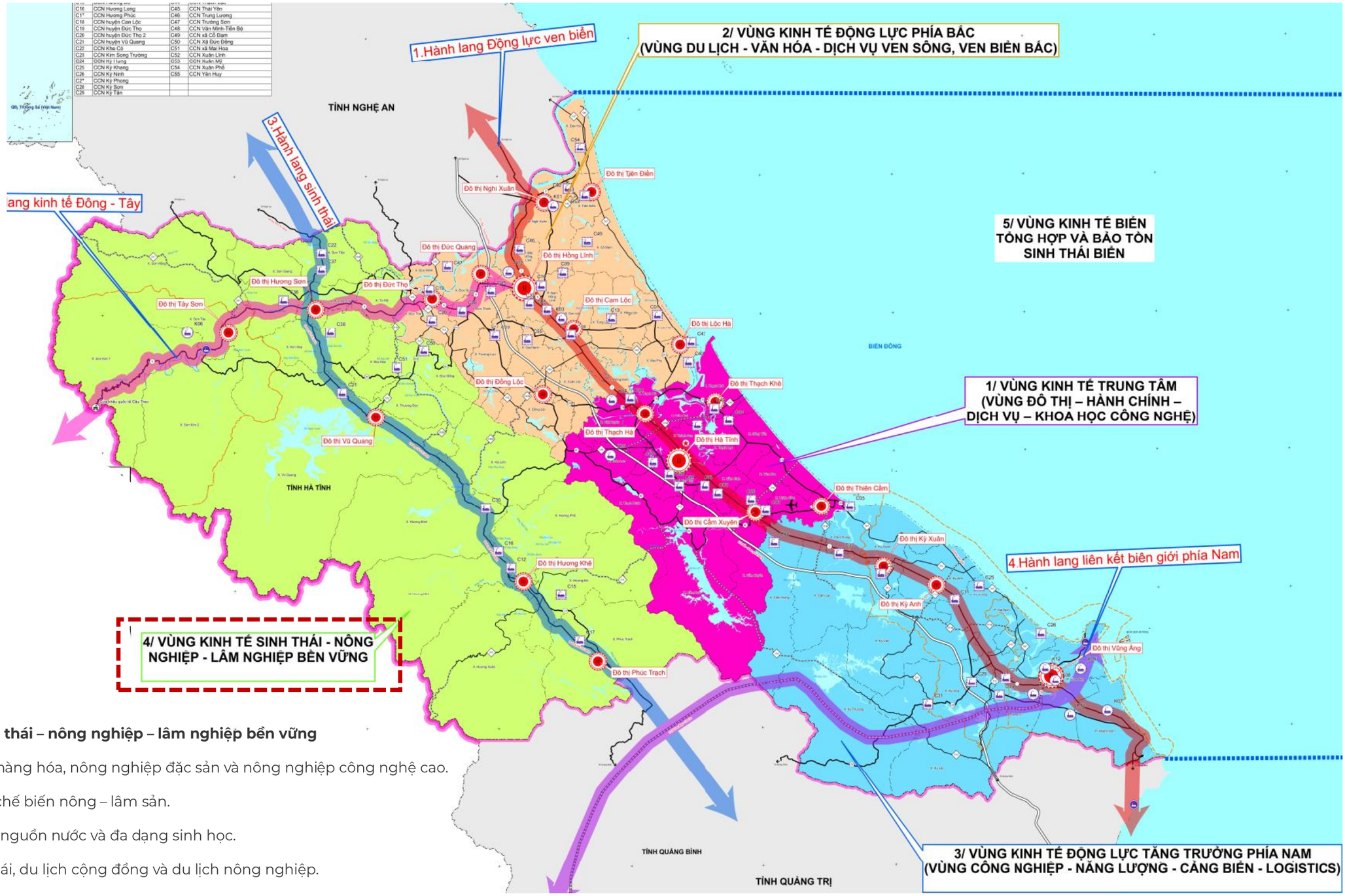

Thuộc vùng kinh tế sinh thái – nông nghiệp – lâm nghiệp bền vững

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp đặc sản và nông nghiệp công nghệ cao.
- Phát triển kinh tế rừng, chế biến nông – lâm sản.
- Bảo vệ rừng đầu nguồn, nguồn nước và đa dạng sinh học.
- Phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp.
- Hạn chế các công trình xây dựng quy mô lớn tại khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất.
- **Hương Khê** cùng Vũ Quang được xác định là các trung tâm động lực của vùng phía Tây.

Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Đánh giá những yêu cầu từ quy hoạch tỉnh

	Các vấn đề khung	Chung	Hà Linh	Hương Bình	Hương Phố	Hương Xuân	Hương Khê	Hương Đô	Phúc Trạch
1	Xác định tính chất								
2	Phát triển kinh tế								
	Nông nghiệp	Nhóm ngành kinh tế truyền thống cần chuyển đổi và quản trị quá trình chuyển đổi Nông nghiệp truyền thống, sản xuất nhỏ lẻ: Ngành nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng về sinh kế và an sinh, nhưng hạn chế về quy mô, năng suất và giá trị gia tăng. Yêu cầu chuyển đổi là tổ chức lại sản xuất theo chuỗi, tích tụ đất đai hợp lý, ứng dụng công nghệ, giảm phát thải, nâng chất lượng và tiêu chuẩn hóa sản phẩm.	Phát triển cây lâu năm. Vùng cây ăn quả có múi. Vùng trồng ngô tập trung.	Vùng ngô tập trung. Không gian nông – lâm nghiệp bền vững.	Vùng trồng cây ăn quả có múi. Vùng trồng ngô tập trung. Khu vực phát triển cây lâu năm.	Vùng cây ăn quả có múi. Vùng trồng ngô tập trung. Phát triển cây lâu năm và nông nghiệp hàng hóa.	Vùng cây ăn quả có múi. Vùng ngô tập trung. Nông nghiệp công nghệ cao.	Cây ăn quả có múi. Cây chè công nghiệp. Cây lâu năm có giá trị kinh tế cao.	Thực trạng phát triển cây ăn quả có múi. Xây dựng vùng chuyên canh. Du lịch nông nghiệp trải nghiệm vườn bưởi.
	Lâm nghiệp			Hương Bình nằm trong nhóm địa phương phân bố rừng đặc dụng của tỉnh, gắn với bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ lưu vực và đa dạng sinh học.		Rừng phòng hộ. Rừng sản xuất. Vai trò bảo vệ nguồn sinh thủy và ổn định sinh thái vùng thượng nguồn.	Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ. Phát triển rừng sản xuất.		Rừng đặc dụng. Rừng phòng hộ. Rừng sản xuất.
	Chăn nuôi		Khu vực tập trung đàn gia cầm.	Vùng chăn nuôi bò. Vùng chăn nuôi gia cầm.	Địa bàn tập trung đàn bò. Địa bàn tập trung đàn gia cầm	Vùng tập trung đàn bò.	Chăn nuôi hươu sao.		
	Công nghiệp	Vùng miền núi phía Tây dọc theo đường Hồ Chí Minh (Vùng 3: Tập trung phát triển công nghiệp chế biến gỗ, công nghiệp chế biến nông sản; định dạng thương hiệu sản phẩm của vùng.	**CCN Hà Linh** Tính chất: CCN đề xuất bổ sung mới trong kỳ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quy mô:Sau năm 2030: 75 ha. Hà Linh được định hướng hình thành một CCN lớn, gồm ba nhóm ngành rõ rệt: - Nhóm chế biến lâm sản - Nhóm vật liệu xây dựng - Nhóm công nghiệp sử dụng nhiều lao động	**CCN Phúc Đồng** Tính chất: Đã có trong Quy hoạch tỉnh trước điều chỉnh Quy mô:sau năm 2030: 70 ha. Ngành nghề chính: CCN đa ngành nghề , chú trọng công nghiệp chế biến nông sản và lâm sản.	**1. CCN Gia Phố** Tính chất: CCN hiện có Quy mô sau năm 2030: 11,07 ha. Không đề xuất mở rộng so với hiện trạng. **2. CCN Hương Long** Tính chất: Đã có trong Quy hoạch tỉnh được phê duyệt trước đây Quy mô: sau năm 2030: 25 ha. Ngành nghề chính: CCN đa ngành nghề.	**1CCN Tân Phú** Tính chất: CCN đề xuất bổ sung mới trong kỳ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quy mô Sau năm 2030: 40 ha. Ngành nghề chính: Đa ngành nghề	**CCN Phú Vinh** Tính chất: CCN đề xuất bổ sung mới trong kỳ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quy mô sau năm 2030: 60 ha. Ngành nghề chính: Đa ngành nghề	**CCN Nam Trà** Tính chất: CCN đề xuất bổ sung mới trong kỳ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quy mô: Sau năm 2030: 70 ha. Ngành nghề chính: Đa ngành nghề	**CCN Hương Phúc** Tính chất: Đã có trong Quy hoạch tỉnh trước điều chỉnh Quy mô:Sau năm 2030: 75 ha. Ngành nghề chính: Đa ngành nghề
	Thương mại	(iii) Thương mại truyền thống và dịch vụ phân tán: Cần chuyển đổi theo hướng hiện đại hóa, phát triển thương mại số, nâng chất lượng dịch vụ đô thị, chuyên nghiệp hóa dịch vụ du lịch, lưu trú, ăn uống, đồng thời tăng cường quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm.					Tập trung doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ vận tải, kho bãi, giao nhận tại khu vực phía Tây.		
	Du lịch	Du lịch sinh thái – trải nghiệm – chăm sóc sức khoẻ Bản Rào Tre, xã Phúc Trạch và Thượng nguồn thủy điện Hố Hô;					Điều chỉnh đất rừng tại khu vực thác Vũ Môn, thác Khe Táy để gắn với phát triển du lịch sinh thái. Phát triển không gian du lịch sinh thái miền núi phía Tây.		Nghề, làng nghề chế tác trầm hương. Tiềm năng du lịch nông nghiệp gắn với bưởi Phúc Trạch. Tiềm năng du lịch cộng đồng và trải nghiệm văn hóa. Không gian sinh thái miền núi phía Tây.
	Khai khoáng		Quặng sắt (quy mô nhỏ) Đất Cát, sỏi	Quặng vàng Quặng sắt (quy mô nhỏ) Đất Cát, sỏi	Than antraxit: Quặng sắt (quy mô nhỏ)			Quặng sắt (quy mô nhỏ)	Quặng sắt (quy mô nhỏ) Cát, sỏi

Đánh giá những yêu cầu từ quy hoạch tỉnh

	Các vấn đề khung	Chung	Hà Linh	Hương Bình	Hương Phố	Hương Xuân	Hương Khê	Hương Đô	Phúc Trạch
3	Đô thị - Nông thôn					Bản Giàng là địa bàn có đồng bào dân tộc Chứt.	Hương Khê được định hướng là một trong 7 khu vực đô thị hóa trong xã dự kiến được công nhận đến năm 2030.		Bản Rào Tre tại Phúc Trạch là nơi đồng bào dân tộc Chứt sinh sống tập trung.
4	Hạ tầng xã hội					Tăng khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, điện, đường, nước sạch và thông tin.			Tăng khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, điện, đường, nước sạch và thông tin.
5	An ninh quốc phòng		Dự kiến bố trí kho vũ khí – đạn mới của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh,				Có phân trại tạm giam thuộc hệ thống Công an tỉnh tại khu vực Hương Khê.		
6	Hạ tầng kỹ thuật								
	Giao thông		Đường bộ đối ngoại: + Đường HCM + Đường QL15A **+ Đường ĐT 548B - đi Đồng Lộc** Đường sắt: + Tuyến đường sắt Bắc - Nam	Đường bộ đối ngoại: + Đường HCM + Đường QL15A Đường sắt: + Tuyến đường sắt Bắc - Nam	Đường bộ đối ngoại: Đường sắt: + Tuyến đường sắt Bắc - Nam	Đường bộ đối ngoại: + Đường HCM (khoảng 650m) **+ Đường ĐT 553 - đi Lào** Đường sắt:	Đường bộ đối ngoại: + Đường HCM + Đường QL15A + Bến xe Hương Khê - loại 3 Đường sắt: + Tuyến đường sắt Bắc - Nam + Ga Hương Phố	Đường bộ đối ngoại: + Đường HCM + Đường QL15A + Đường ĐT 553- đi Thạch Xuân Đường sắt + Tuyến đường sắt Bắc - Nam	Đường bộ đối ngoại: + Đường HCM + Đường QL15A Đường sắt + Tuyến đường sắt Bắc - Nam + Ga Phúc Trạch
	Cấp nước	Thuộc Vùng cấp nước VII, sử dụng nguồn từ sông Ngàn Sâu và các hồ, đập trong vùng. Duy trì **nhà máy nước Hương Khê**, đặt tại xã Hương Khê, dự kiến công suất 7500m3/ngày đêm							
	Cấp điện	Nguồn điện cho toàn bộ khu vực được lấy từ lưới điện quốc gia 110 kV, thông qua: Trạm biến áp 110 kV Hương Khê (nguồn cấp chính của khu vực). Hệ thống đường dây 110 kV kết nối với mạng điện của tỉnh.							
	Thoát nước VSMT								
	Bãi rác		Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển	Bãi xử lý rác thải phục vụ cho 7 xã	Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển
	Nghĩa trang								
7	Thiên tai			Có nguy cơ chịu ảnh hưởng cao: Sạt lở	Có nguy cơ chịu ảnh hưởng cao: Ngập lụt	Có nguy cơ chịu ảnh hưởng cao: Sạt lở			Có nguy cơ chịu ảnh hưởng cao: Ngập lụt

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Đánh giá những yêu cầu từ quy hoạch tỉnh

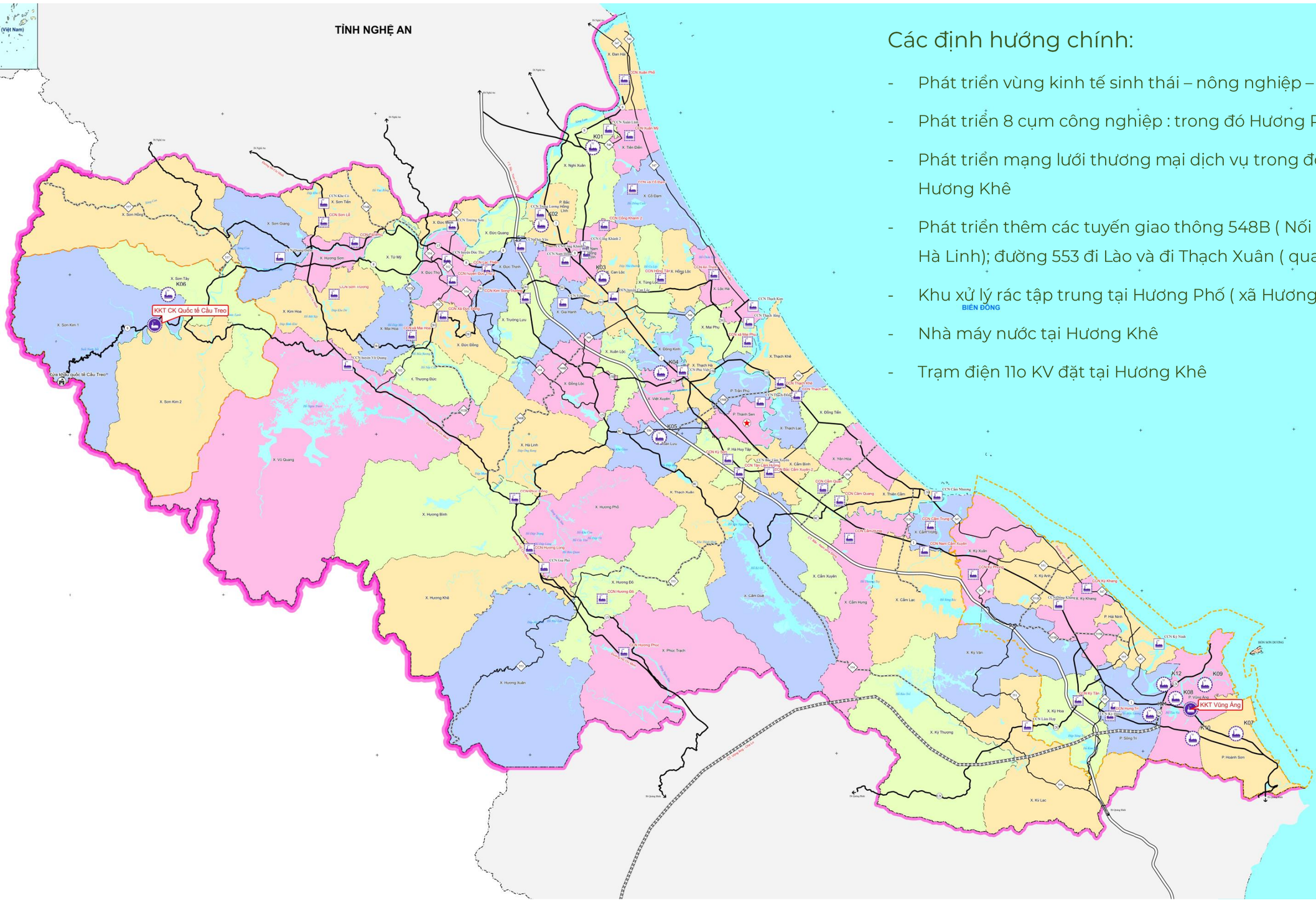

Các định hướng chính:

- Phát triển vùng kinh tế sinh thái – nông nghiệp – lâm nghiệp bền vững
- Phát triển 8 cụm công nghiệp : trong đó Hương Phố có 2 cụm công nghiệp
- Phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ trong đó trọng tâm phát triển tại xã Hương Khê
- Phát triển thêm các tuyến giao thông 548B (Nối đường HCM với Đồng Lộc qua Hà Linh); đường 553 đi Lào và đi Thạch Xuân (qua xã Hương Đô, Hương Xuân)
- Khu xử lý rác tập trung tại Hương Phố (xã Hương Thủy cũ)
- Nhà máy nước tại Hương Khê
- Trạm điện 11o KV đặt tại Hương Khê

Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Nhận diện vị thế của từng xã

Tổng hợp các đặc điểm của các xã hiện nay

Tiêu chí	Hương Khê	Hà Linh	Hương Bình	Phúc Trạch	Hương Phố	Hương Đô	Hương Xuân
1. Vị trí trong không gian 7 xã	Trung tâm vùng 7 xã	Cửa ngõ phía Bắc của vùng 7 xã	Điểm giao của 2 hướng phát triển đường HCM và đường QL15A	Cửa ngõ phía Nam của vùng 7 xã và của tỉnh	Vùng lõi chịu ảnh hưởng của Hương Khê	Vùng lõi chịu ảnh hưởng của Hương Khê Cửa ngõ liên kết phía Đông	Vùng lõi chịu ảnh hưởng của Hương Khê Cửa ngõ liên kết phía Tây
2. Kết nối giao thông	Tốt nhất Đường HCM, QL15, bến xe Hương Khê,đường sắt, ga Hương Phố	Không đồng đều Đường HCM, QL15, đường sắt	Thuận lợi, Đường HCM, QL15, đường sắt	Rất thuận lợi, Đường HCM, QL15, đường sắt, ga Phúc Trạch	Ít thuận lợi, Không có tuyến đường bộ đối ngoại	Không đồng đều Đường HCM, QL15, đường sắt	Ít thuận lợi, Không có tuyến đường bộ đối ngoại
3. Hoạt động kinh tế chủ đạo Sản phẩm đặc trưng	Thương mại dịch vụ Hanh chính, văn hóa, giáo dục	Khai thác đất Phát triển kinh tế đồi rừng kết hợp chăn nuôi	Trồng rừng , cây ăn quả	Nông nghiệp hàng hóa: Bưởi, Cây Dó trầm	Trồng rừng, Cây ăn quả, Chăn nuôi	Nông nghiệp hàng hóa: cây ăn quả	Trồng rừng , vườn đồi
4. Quy mô dân số và mật độ dân cư	Dân số: 29994 người Mật độ: 181 ng/km2 Lớn nhất vùng, mật độ cao nhất	Dân số: 12600 người Mật độ: 90 ng/km2 Trung bình	Dân số: 17479 người Mật độ: 81 ng/km2 Trung bình	Dân số: 18135 người Mật độ: 90 ng/km2 Trung bình	Dân số: 18506 người Mật độ: 136 ng/km2 Khá cao do gần trung tâm	Dân số: 14279 người Mật độ: 101 ng/km2 Trung bình	Dân số: 16619 người Mật độ: 63 ng/km2 Thấp
5. Hạ tầng xã hội	Trung tâm xã đáp ứng Hệ thông trung tâm xã cũ đáp ứng trở thành trung tâm DVO	Trung tâm xã mới chưa đáp ứng Có thể tận dung các trung tâm xã cũ thành hạt nhân DVO	Trung tâm xã mới chưa đáp ứng Có thể tận dung các trung tâm xã cũ thành hạt nhân DVO	Trung tâm xã mới chưa đáp ứng Có thể tận dung các trung tâm xã cũ thành hạt nhân DVO	Trung tâm xã mới chưa đáp ứng Có thể tận dung các trung tâm xã cũ thành hạt nhân DVO	Trung tâm xã mới chưa đáp ứng Có thể tận dung các trung tâm xã cũ thành hạt nhân DVO	Trung tâm xã mới chưa đáp ứng Có thể tận dung các trung tâm xã cũ thành hạt nhân DVO
6. Hạ tầng kỹ thuật	Đầu mối hạ tầng vùng	Tập trung chủ yếu quanh đường HCM, đường QL.15A. Chưa có NM nước Cấp điện từ Hương Khê và từ Đức Thọ qua đường 35KV	Mạng lưới giao thông đường HCM, QL15A Chưa có NM nước, được sử dụng 1 phần từ NMN Hương Khê. Nguồn nước Hồ đá Hàn Cấp điện từ Hương Khê	Mạng lưới giao thông khá hoàn chỉnh Chưa có NM nước, Nguồn nước Hồ khe Trôi Cấp điện từ Hương Khê	Phụ thuộc vào giao thông Hương Khê NMN Gia Phố, công suất nhỏ Nguồn cấp điện từ Hương Khê	Tập trung chủ yếu quanh đường HCM, đường QL.15A. Được cấp nước 1 phần từ NMN Hương Khê Cấp điện từ Hương Khê	Phụ thuộc vào giao thông Hương Khê Được cấp nước 1 phần từ NMN Hương Khê Cấp điện từ Hương Khê

Nhận diện vị thế của từng xã

Những vấn đề đặt ra trong phát triển xã với điều kiện hiện nay

	Các vấn đề khung	Hà Linh	Hương Bình	Hương Phố	Hương Xuân	Hương Khê	Hương Đô	Phúc Trạch
1	Phát triển kinh tế							
	Nông nghiệp	Phát triển cây ăn quả hàng hóa Lưu ý cây ăn quả thân gỗ (Mít)	Phát triển cây ăn quả	Phát triển cây ăn quả	Phát triển vùng chuyên canh ứng dụng KHKT	Phát triển cây ăn quả hàng hóa Lưu ý cây ăn quả thân gỗ (Mít)	Phát triển cây ăn quả Phát triển cây chè	Đẩy mạnh cây Dó bầu - làm trầm
	Lâm nghiệp	Khoảng 8000 ha rừng nguyên liệu, rừng gỗ lớn	Bảo vệ hơn 11000 ha rừng đặc dụng	Phát triển cây lấy gỗ	Duy trì rừng phòng hộ Phát triển cây lấy gỗ	Phát triển cây lấy gỗ	Phát triển cây lấy gỗ	Bảo vệ rừng
	Chăn nuôi	Phát triển trang trại	Phát triển mô hình trang trại	Đẩy mạnh chăn nuôi tập trung	Phát triển mô hình trang trại	Phát triển mô hình trang trại	Phát triển mô hình trang trại	
	Công nghiệp	Đề xuất phát triển cụm công nghiệp tập trung Phát triển công nghiệp sản xuất hàng nông nghiệp, lâm nghiệp tập trung	Triển khai CCN Phúc Đồng để đưa vào vận hành Đề xuất phát triển kho bãi và sản xuất hỗ trợ hàng lâm sản	Duy trì các CCN hiện có Để xuất mở rộng thêm 25ha đất CCN Đề xuất hình thành mới điểm sản xuất tập trung	Đề xuất Cụm công nghiệp gắn với giao thông vành đai	Đề xuất Cụm công nghiệp gắn với giao thông vành đai	Đề xuất Cụm công nghiệp gắn với giao thông vành đai	**CCN Hương Phúc** Tính chất: Đã có trong Quy hoạch tỉnh trước điều chỉnh Quy mô:Sau năm 2030: 75 ha. Ngành nghề chính: Đa ngành nghề
	Thương mại	Phát triển thương mại trung tâm xã Phát triển thương mại dọc đường đối ngoại	Phát triển thương mại tổng hợp trung tâm xã Phát triển thương mại dọc đường đối ngoại	Phát triển thương mại bám theo các tuyến mới	Phát triển thương mại bám đường HCM (khoảng 650m)	Tập trung thương mại tại các trục đường Phát triển các chức năng dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục	Phát triển thương mại bám tuyến đường HCM	
	Du lịch	Phát triển du lịch cộng đồng Khai thác các địa điểm mặt nước	Phát triển du lịch gắn với hồ đá Hàn, hồ Rú Mạo	Phát triển du lịch tâm linh	Phát triển du lịch sinh thái rừng	Phát triển du lịch sinh thái núi, thác nước, các điểm di tích lịch sử Hình thành tuyến du lịch kết hợp với các xã lân cận	Phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng và cây đặc sản	Tiềm năng du lịch cộng đồng và trải nghiệm văn hóa. Không gian sinh thái miền núi phía Tây.
	Khai khoáng	Xác định các mỏ đất	Xác định các mỏ đất	Nghiên cứu các mỏ khoáng sản				Quặng sắt (quy mô nhỏ) Cát, sỏi

Nhận diện vị thế của từng xã

Những vấn đề đặt ra trong phát triển xã với điều kiện hiện nay

	Các vấn đề khung	Hà Linh	Hương Bình	Hương Phố	Hương Xuân	Hương Khê	Hương Đô	Phúc Trạch
2	Đô thị - Nông thôn	Phát triển dân cư gắn với trung tâm xã	Phát triển dân cư mới doc tuyến giao thông	Phát triển dân cư lấp đầy vào khu vực hiện hữu	Bản Giàng là địa bàn có đồng bào dân tộc Chứt. Phát triển dân cư mới dọc tuyến	Định hướng trở thành đô thị loại 3 Phát triển dân cư bám theo sông Tiêm	Phát triển nông thôn mới kiểu mẫu	Bản Rào Tre tại Phúc Trạch là nơi đồng bào dân tộc Chứt sinh sống tập trung.
3	Hạ tầng xã hội	Xây dựng chợ, không gian công cộng, sân thể thao	Mở rộng trung tâm xã cũ	Mở rộng trung tâm xã - đáp ứng yêu cầu	Phát triển khu trung tâm	Nâng cấp theo tiêu chuẩn đô thị	Đề xuất trung tâm mới	Tăng khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, điện, đường, nước sạch và thông tin.
4	An ninh quốc phòng	Xây dựng BCH Quân sự, Công an Xã		Bổ sung công trình BCH Quân sự, trụ sở công an	Bổ sung công trình BCH Quân sự, trụ sở công an			
5	Hạ tầng kỹ thuật							
	Giao thông	Tăng cường kết nối các khu dân cư bên trong (thuộc xã Điền Mỹ) với các tuyến giao thông HCM, QL15A	Mở rộng mặt cắt các đường đối ngoại Tăng cường giao thông kết nối các khu vực bên trong với đường đối ngoại Đề xuất tuyến đường gom các hoạt động sản xuất phía Tây	Hình thành tuyến liên kết xã (HL2) Phát triển đường vào các khu vực nuôi trồng, chăn nuôi của xã	Triển khai đầu tư đường tránh đường HCM Nâng cấp đường 553 đi cửa khẩu	Mở rộng mặt cắt đường đối ngoại Làm mới tuyến kết nối với đường HCM từ các khu vực sản xuất	Phát triển tuyến đường 553 tăng kết nối bên ngoài	Tăng cường giao thông kết nối đường QL 15A với đường HCM
	Cấp nước	Dự kiến xây dựng NMN Đập Mưng	Dự kiến xây dựng NMN đập đá Hàn (5000m3 ng/đ	Sử dụng NMN Hương Khê Tiếp tục sử dụng NMN Gia Phố (công suất nhỏ)	Sử dụng nước cấp từ NMN Hương Khê	Nâng công suất NMN Hương Khê	Sử dụng nước cấp từ NMN Hương Khê	Xây dựng NMN Phúc Trạch (hồ Khe Trồi)
	Cấp điện	Duy trì hiện có	Duy trì hiện có	Duy trì hiện có	Duy trì hiện có	Nâng công suất và khả năng đáp ứng	Duy trì hiện có	Duy trì hiện có
	Thoát nước VSMT							
	Bãi rác	Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển	Dự kiến mở rộng nhà máy xử lý rác	Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển	Thu gom - trung chuyển

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

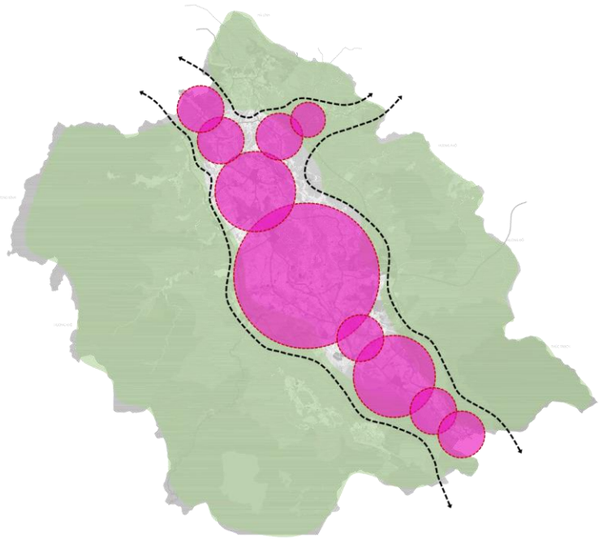

Phát triển với nông- lâm nghiệp – nuôi trồng là trụ đỡ phát triển

Thúc đẩy sản xuất- dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp

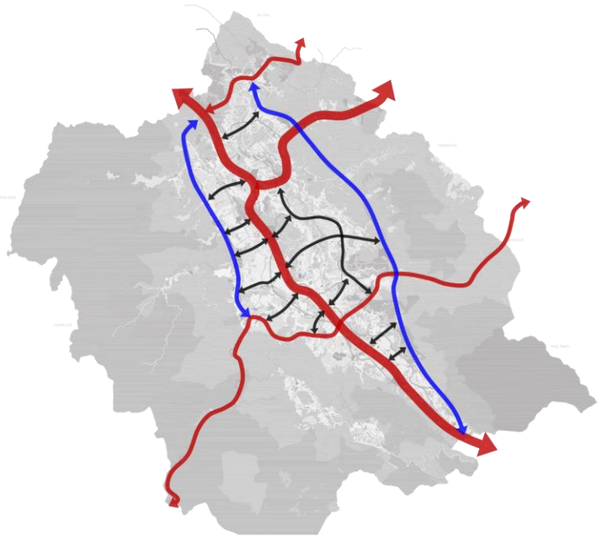

Phát triển mạng giao thông tăng tính liên kết vùng tỉnh

Giảm tải đồng thời gắn kết chặt chẽ với trục giao thông đối ngoại chính

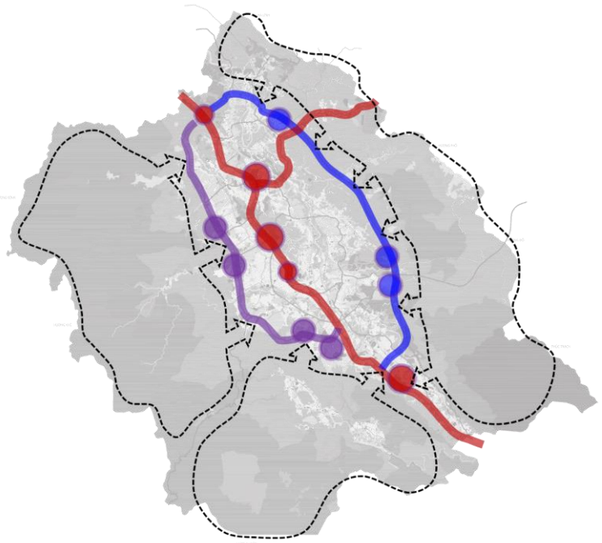

Phân bố mạng lưới cụm công nghiệp và các khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu và hành lang giao thông

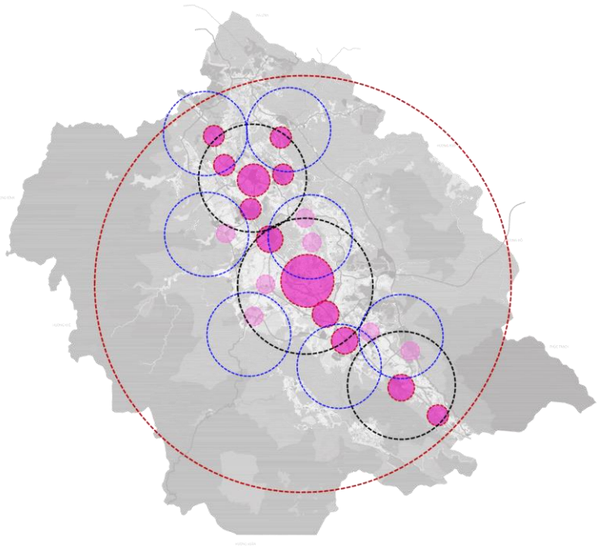

Phân tầng mạng lưới công trình thương mại và dịch vụ

Khai thác hiệu quả trục đối ngoại chính

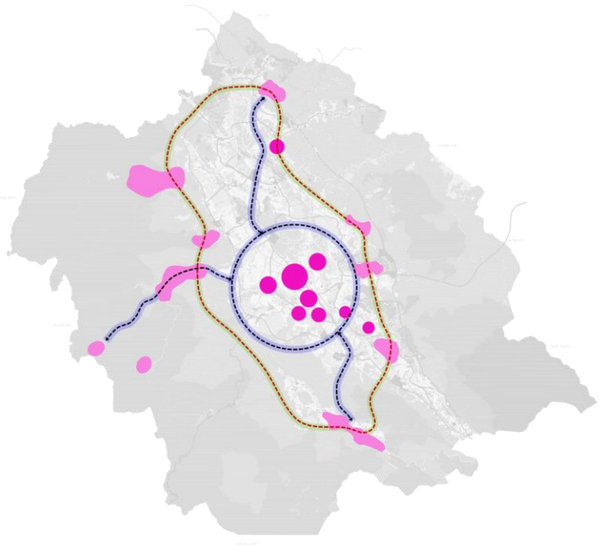

Hình thành mạng lưới du lịch toàn vùng gồm các điểm du lịch và các tuyến du lịch

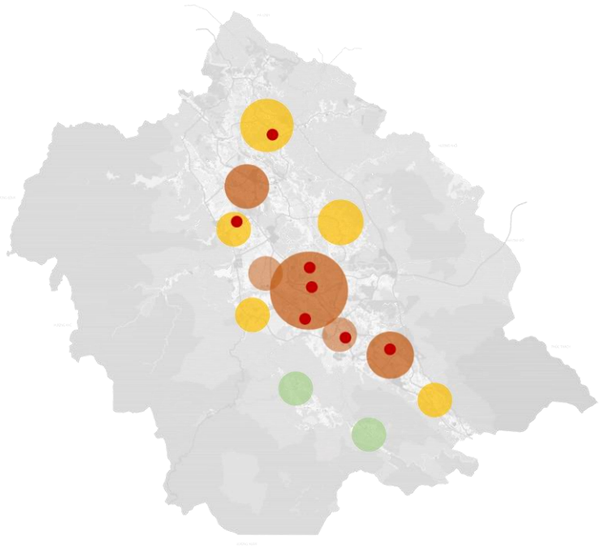

Phân bố mạng lưới dân cư theo hướng đô thị hóa

Phát triển các trung tâm xã trên cơ sở phân bố dân cư

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

Phân vùng không gian kinh tế

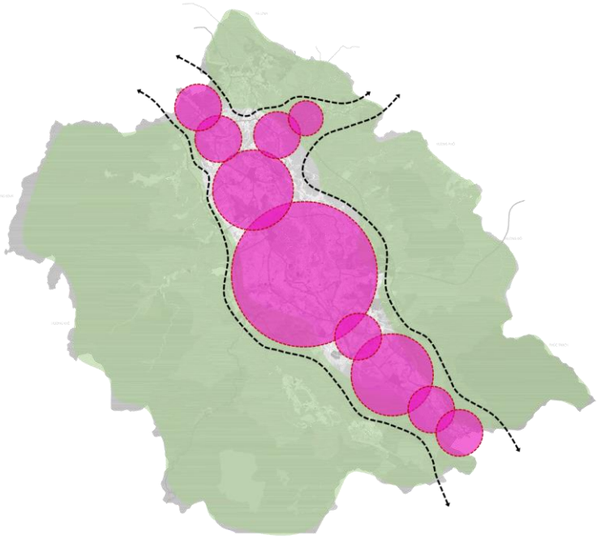

Phát triển với nông- lâm nghiệp – nuôi trồng là trụ đỡ phát triển

Thúc đẩy sản xuất- dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp

Phân vùng không gian

1. Vùng lõi trung tâm:

- Duy trì diện tích trồng lúa, cây lương thực
- Phát triển các vùng trồng cây ăn quả, cây kinh tế - Dó bầu
- Phát triển mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ,

2. Vùng kinh tế đồi rừng phía Đông:

- Phát triển kinh tế đồi rừng kết hợp với chăn nuôi, trang trại
- Phát triển các điểm tiểu thủ công nghiệp hỗ trợ
- Khảo sát đánh giá khai thác các mỏ khoáng sản

3. Vùng kinh tế rừng phía Tây:

- Bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn
- Đẩy mạnh phát triển các cụm công nghiệp hỗ trợ kinh tế rừng
- Khai thác kết hợp hoạt động du lịch

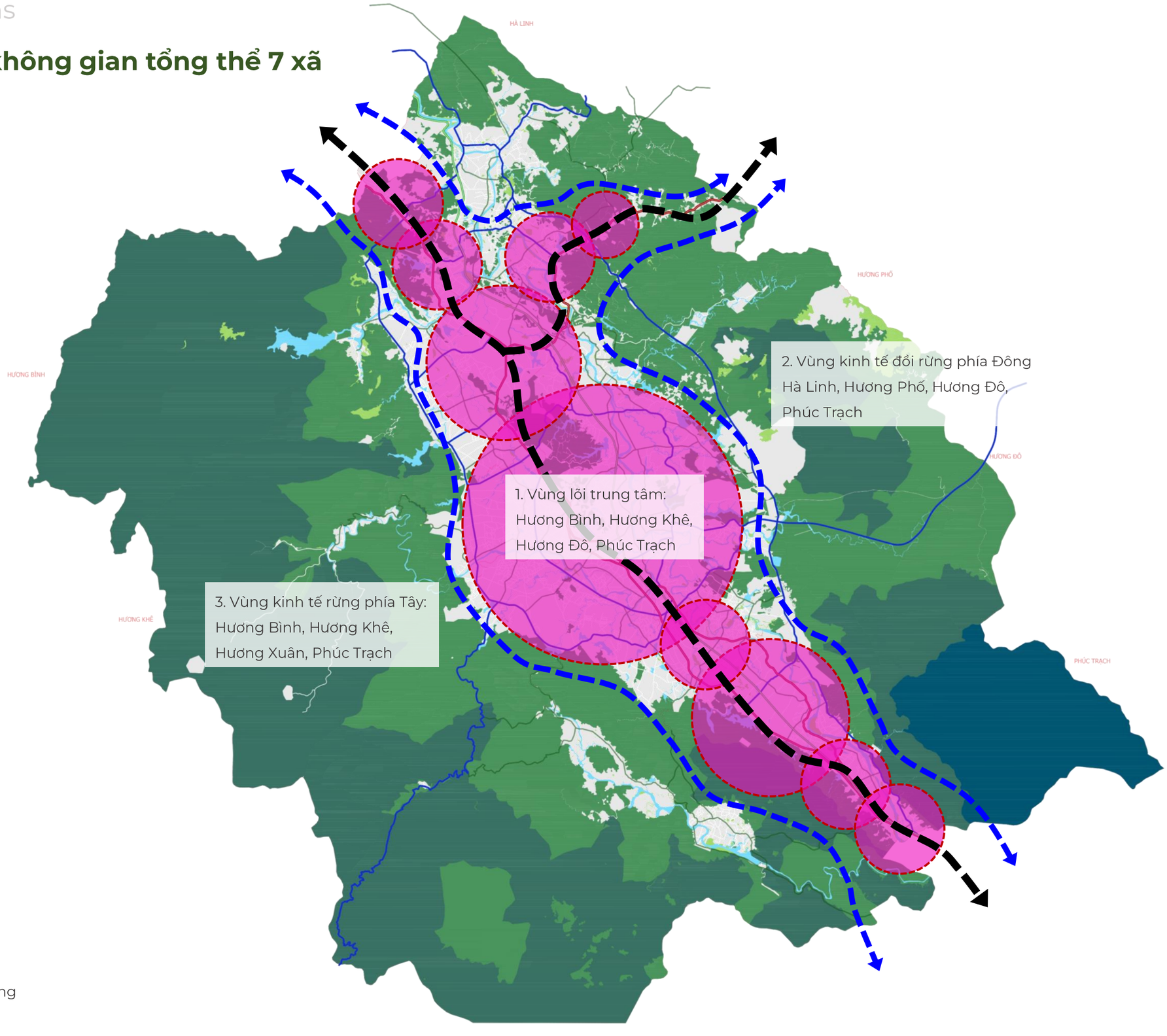

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

Thúc đẩy giao thông liên kết và các đầu mối giao thông

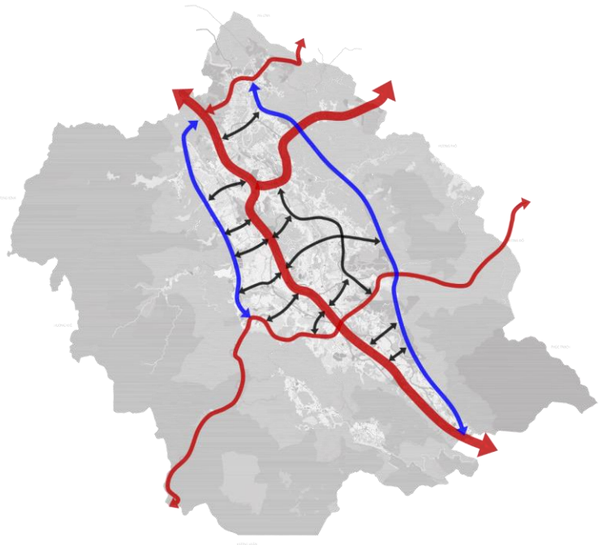

Phát triển mạng giao thông tăng tính liên kết vùng tỉnh

Giảm tải đồng thời gắn kết chặt chẽ với trục giao thông đối ngoại chính

Đề xuất mạng giao thông thúc đẩy không gian kinh tế

1 – Mở rộng mạng giao thông xương sống gồm:

+ Đường HCM và đường tránh đoạn đi qua xã Hương Khê, Hương Xuân

+ Đường QL 15A

+ Đường sắt Bắc – Nam và hệ thống ga

Là cơ sở hình thành hang lang kinh tế lõi của cụm 7 xã, liên kết toàn bộ các xã

2 – Thiết lập các hướng kết nối liên vùng mới

+ Đường ĐT.553 đi cửa khẩu và đi vùng kinh tế ven biển (qua Thạch Xuân)

+ Đường ĐT.548B đi vùng kinh tế ven biển (qua Đồng Lộc)

3 – Phát triển giao thông dạng Vành đai – là hạ tầng quan trọng để xây dựng các cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp, thu gom vận chuyển hàng hóa lâm sản tránh qua khu dân cư. Đồng thời giảm tải cho tuyến giao thông lõi

+ Tuyến vành đai phía Đông, liên kết các vùng sản xuất của Phúc Trạch, Hương Đô, Hương Phố, Hà Linh

+ Tuyến vành đai phía Tây: liên kết các xã Hương Xuân, Hương Khê, Hương Bình

4 – Tăng cường mạng giao thông “xương cá” kết nối đường trục lõi với mạng vành đai – Hỗ trợ phát triển kinh tế dịch vụ cho các xã

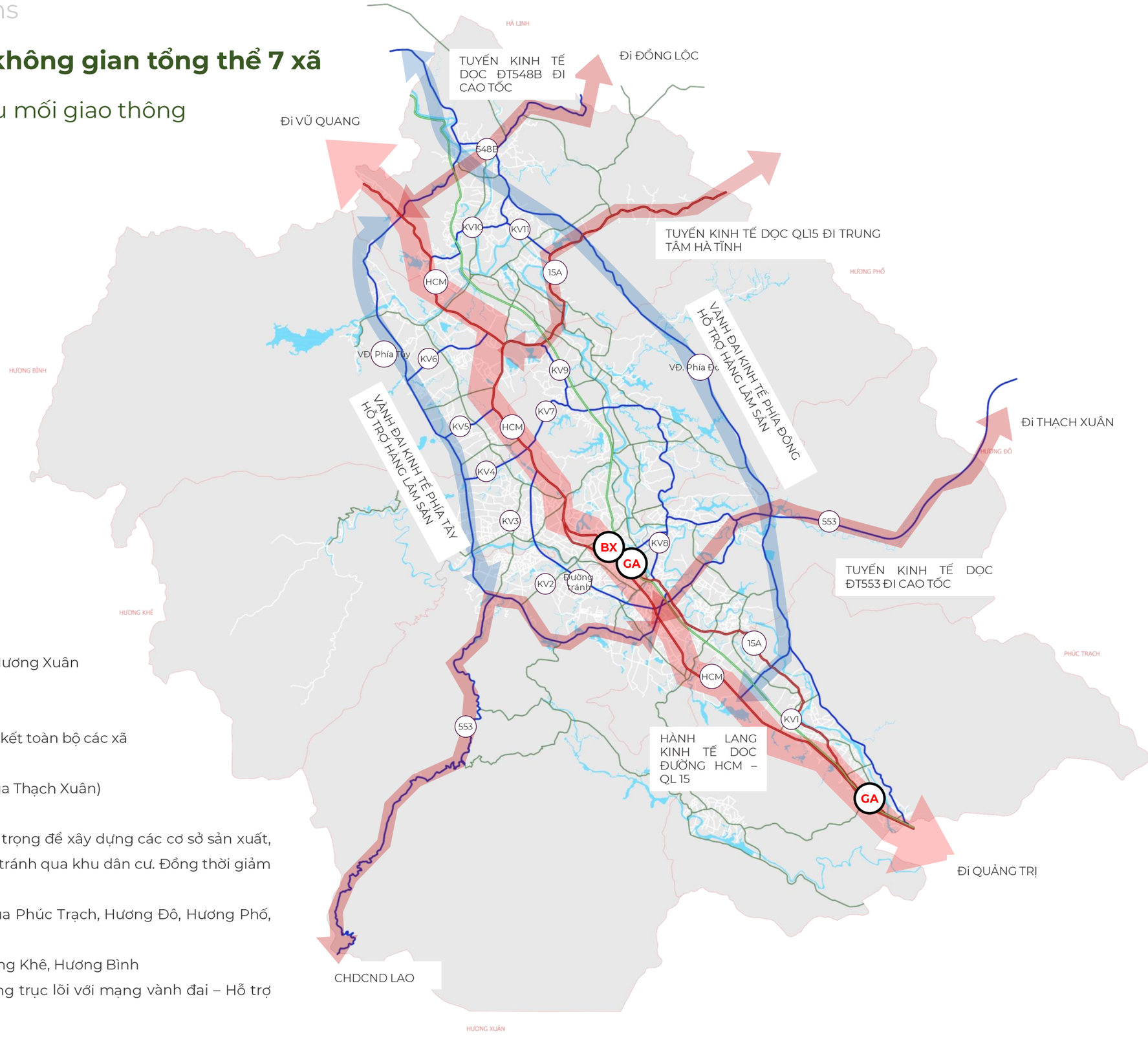

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

Mạng lưới cụm công nghiệp

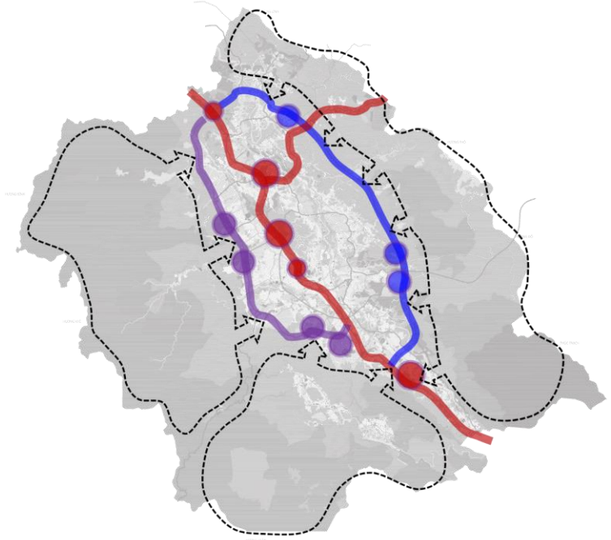

Phân bố mạng lưới cụm công nghiệp và các khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu và hành lang giao thông

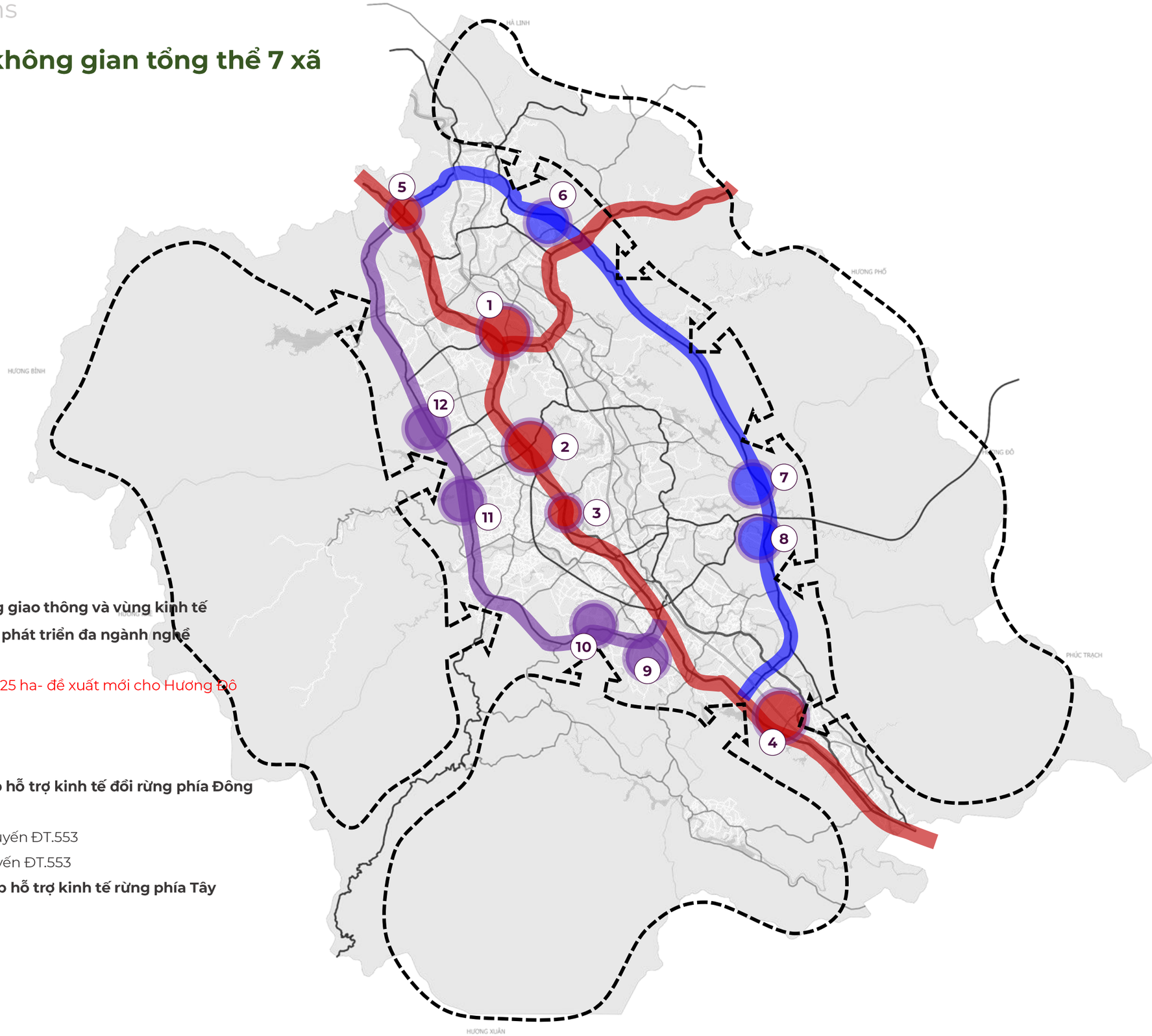

Mạng lưới cụm công nghiệp phát triển trên cơ sở hạ tầng giao thông và vùng kinh tế

I – Chuỗi cụm công nghiệp và điểm tiểu thủ công nghiệp phát triển đa ngành nghề

1. CCN Phúc Đồng – 70 ha – theo QH Tỉnh
2. CCN Hương Long: 25 Ha – theo QH Tỉnh; dự kiến mở rộng 25 ha- đề xuất mới cho Hương Đô
3. CCN Gia Phố: 11 ha – theo QH Tỉnh
4. CCN Hương Phúc: 75 Ha – theo QH Tỉnh
5. Điểm TTCN Hà Linh(khu Điền Mỹ cũ): 5 ha -

II – Chuỗi cụm công nghiệp và điểm tiểu thủ công nghiệp hỗ trợ kinh tế đồi rừng phía Đông

6. CCN Hà Linh– 75 ha – theo QH Tỉnh
7. Điểm TTCN xã Hương Phố: 50 ha – đề xuất khai thác với tuyến ĐT.553
8. Điểm TTCN xã Hương Đô: 30 ha – đề xuất khai thác với tuyến ĐT.553

III – Chuỗi cụm công nghiệp và điểm tiểu thủ công nghiệp hỗ trợ kinh tế rừng phía Tây

9. CCN Nam Trà– 70 ha – theo QH Tỉnh
10. CCN Tân Phú – 40 ha – theo QH Tỉnh
11. CCN Phú Vinh – 60ha- theo QH Tỉnh
12. Điểm TTCN xã Hương Bình – 32 ha

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

Mạng lưới thương mại dịch vụ

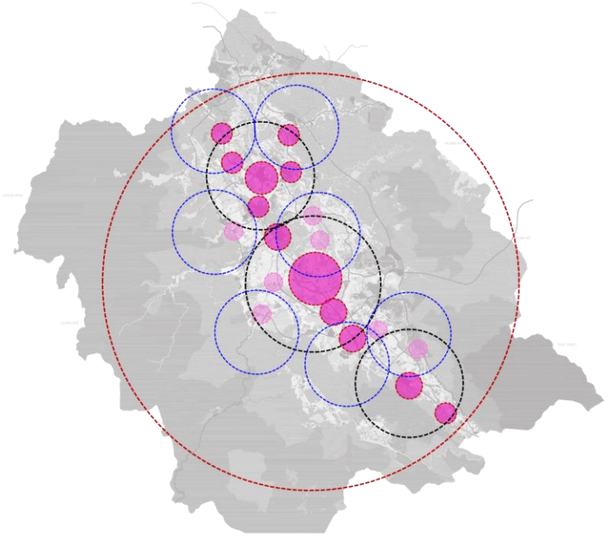

Phân tầng mạng lưới công trình thương mại và dịch vụ

Khai thác hiệu quả trục đối ngoại chính

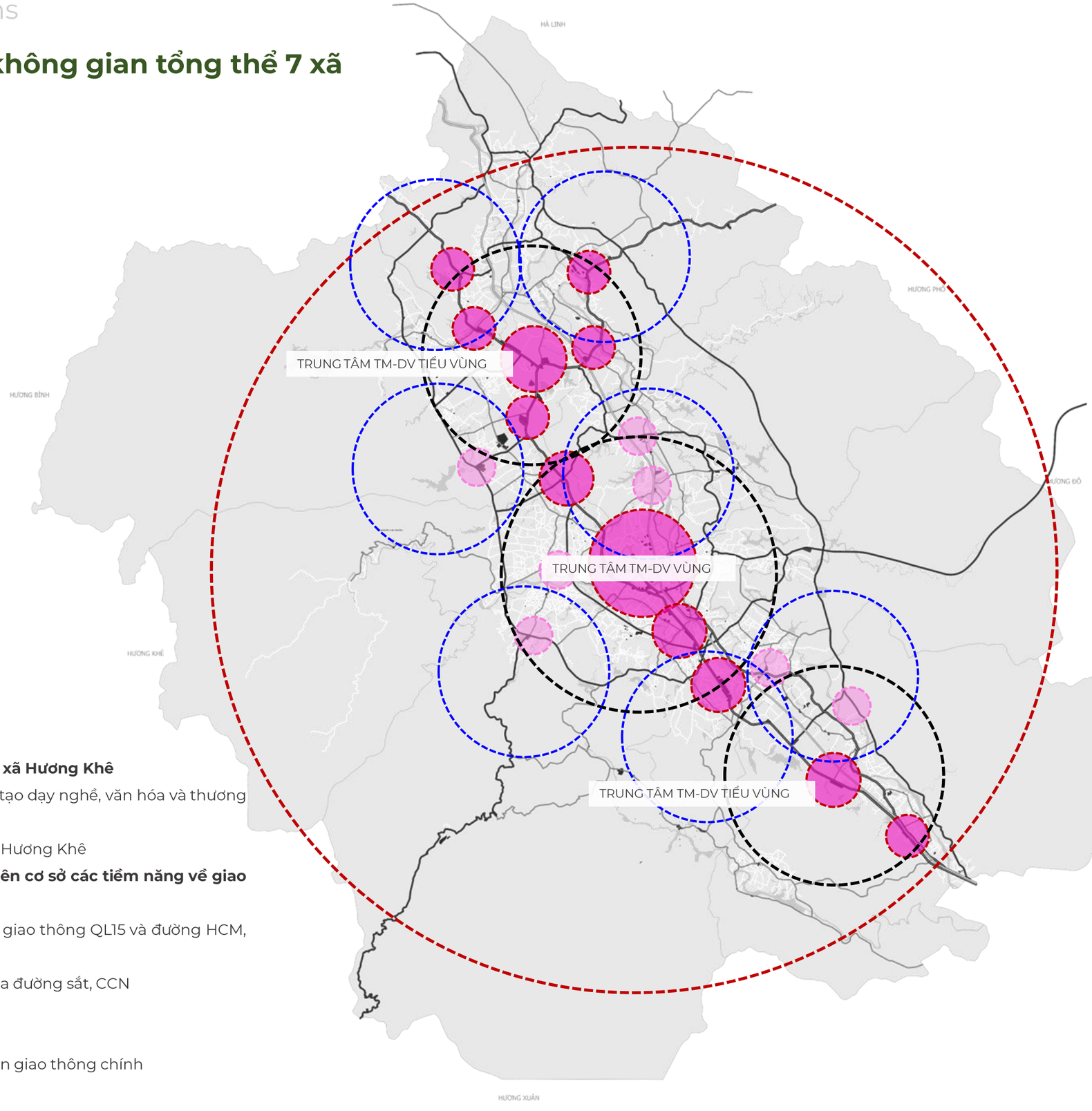

Mạng lưới thương mại được phân cấp theo tầng bậc

I – Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng – phát triển tại xã Hương Khê

- Phục vụ cho các nhu cầu chung toàn vùng 7 xã: Y tế, Đào tạo dạy nghề, văn hóa và thương mại
- Gắn với các đầu mối về giao thông: Ga Hương Phố, bến xe Hương Khê

II – Trung tâm thương mại dịch vụ "tiểu vùng" Xác định trên cơ sở các tiềm năng về giao thông và công nghiệp

- Trung tâm dịch vụ thương mại tại Hương Binh – Đầu mối giao thông QL15 và đường HCM, CCN
- Trung tâm dịch vụ thương mại tại Phúc Trạch – Đầu mối ga đường sắt, CCN

III – Trung tâm thương mại – dịch vụ cấp xã

- Phát triển các trung tâm dịch vụ tổng hợp xã
- Phát triển các trung tâm thương mại tại các nút giao, tuyến giao thông chính

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

Mạng lưới du lịch

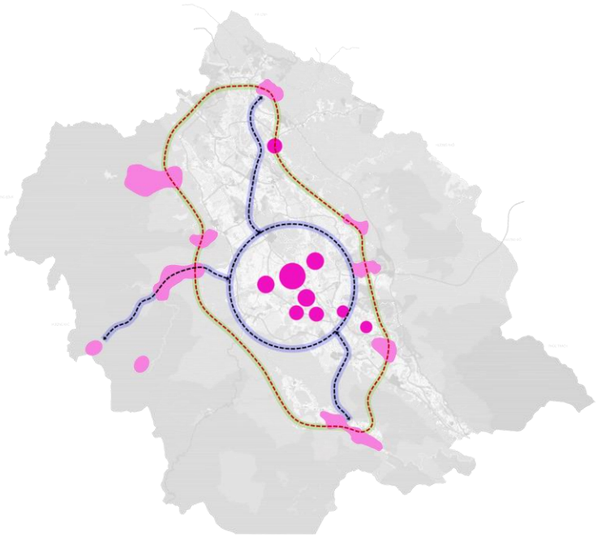

Hình thành mạng lưới du lịch toàn vùng gồm các điểm du lịch và các tuyến du lịch

Mạng lưới du lịch theo hướng tích hợp liên hoàn

I – Điểm du lịch

- Du lịch gắn với các di tích văn hóa lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo
- Du lịch gắn với các cảnh quan mặt nước
- Du lịch gắn với cộng đồng, văn hóa, lối song
- Du lịch gắn với hoạt động canh tác

II – Vùng du lịch trọng điểm

- Vùng du lịch trung tâm Hương Khê
- Vùng du lịch thác Vũ Môn
- Vùng du lịch lang bản vùng cao, bản Giàng, bản Rào Tre
- Vùng du lịch trải nghiệm làng nghề, làm vườn, trảy quả
- Vùng du lịch sinh thái trải nghiệm

III – Tuyến du lịch

- Tuyến du lịch trung tâm đi tham quan thưởng ngoạn thác, rừng
- Tuyến du lịch trải nghiệm làng bản
- Tuyến du lịch sinh thái
- Tuyến du lịch liên kết các vùng du lịch

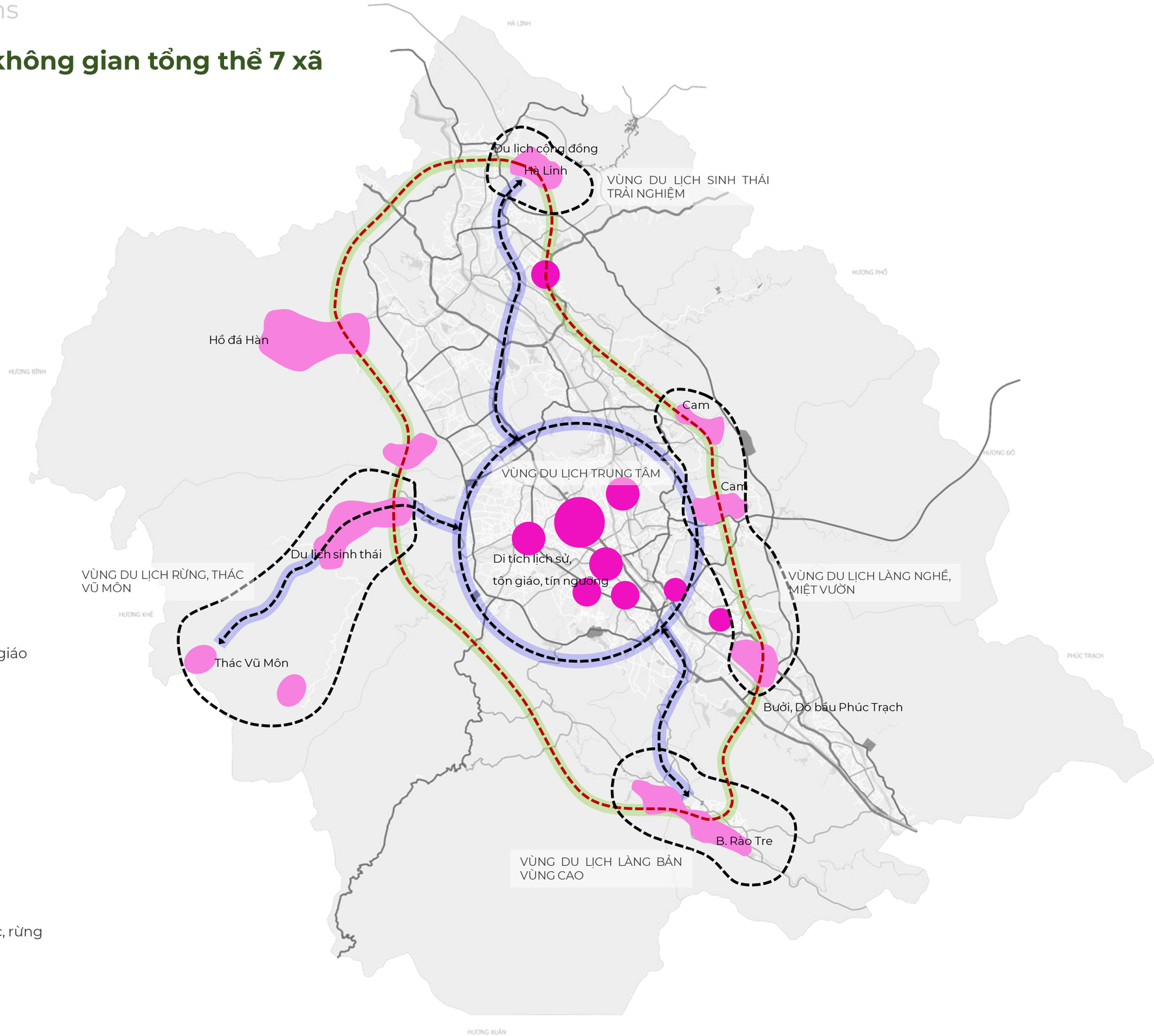

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

Phát triển dân cư và trung tâm xã

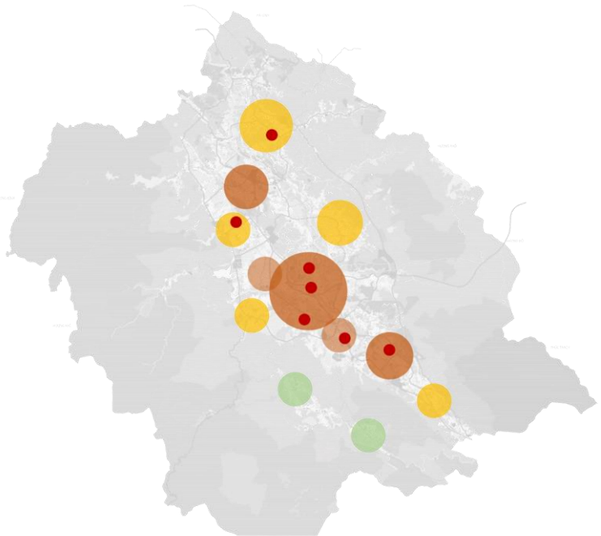

Phân bố mạng lưới dân cư theo hướng đô thị hóa

Phát triển các trung tâm xã trên cơ sở phân bố dân cư

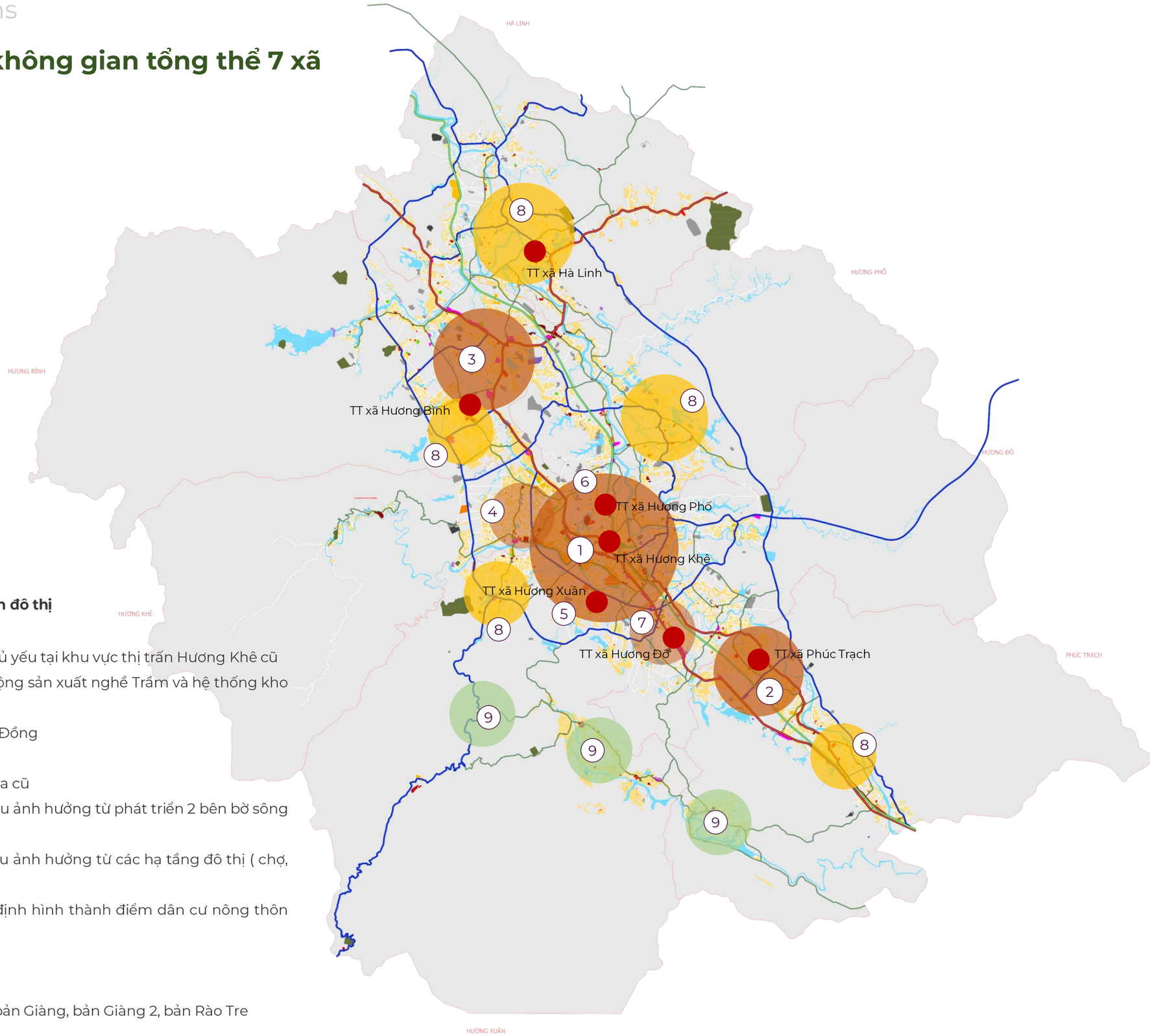

Phân bố dân cư trên cơ sở hiện có và định hướng phát triển đô thị

I – Khu vực tập trung dân cư – có xu hướng đô thị hóa cao

1. Khu vực xã Hương Khê: Tập trung dân cư mật độ cao – chủ yếu tại khu vực thị trấn Hương Khê cũ
2. Xã Phúc Trạch – Khu vực tập trung dân cư gắn với hoạt động sản xuất nghề Trầm và hệ thống kho bãi
3. Xã Hương Bình – Khu vực từ trung tâm xã đến CCN Phúc Đồng

II – Khu vực chịu ảnh hưởng đô thị hóa

4. Khu vực ngoại vi thuộc xã Hương Khê – khu vực xã Phú Gia cũ
5. Khu vực dân cư tập trung trung tâm xã Hương Xuân – chịu ảnh hưởng từ phát triển 2 bên bờ sông Tiêm
6. Khu vực dân cư tập trung trung tâm xã Hương Phố - Chịu ảnh hưởng từ các hạ tầng đô thị (chợ, ga đường sắt, bệnh viện)
7. Khu vực dân cư tập trung trung tâm xã Hương Đô- Đã định hình thành điểm dân cư nông thôn kiểu mẫu- gần tuyến giao thông chính

III – Khu vực dân cư nông thôn

8. Các khu vực có dân cư tập trung tại các xã hiện hữu
9. Đặc biệt cần hỗ trợ ổn định dân cư tại các bản vùng cao: bản Giàng, bản Giàng 2, bản Rào Tre

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

Bản đồ tổng thể tổ chức không gian ghép 7 xã

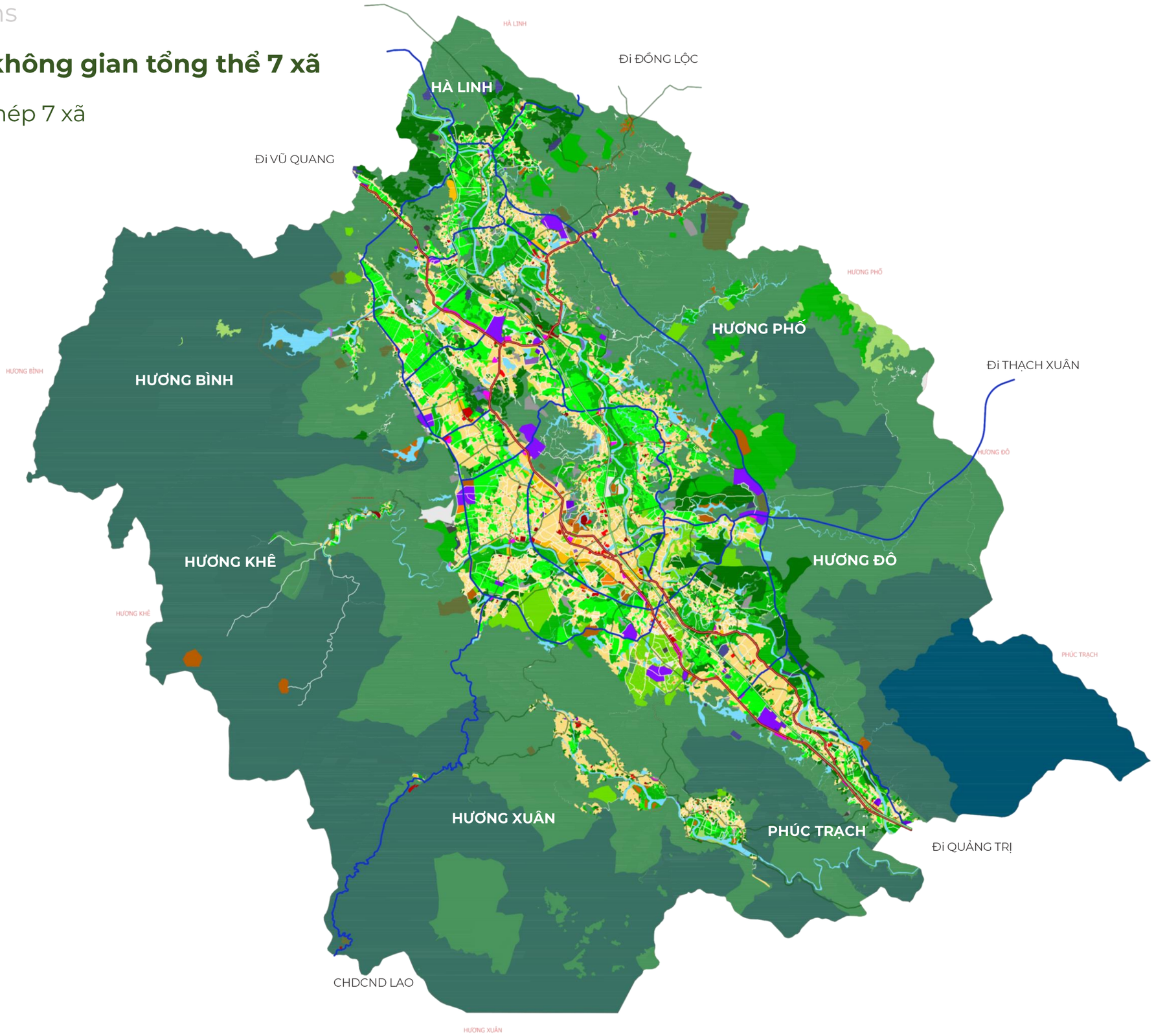

02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

CHUẨN BỊ KỸ THUẬT – THỦY LỢI

- *Đối với khu vực hiện trạng*: Cao độ xây dựng phù hợp với địa hình hiện trạng đảm bảo thoát nước tốt và không bị ngập úng., khi có điều kiện nên tôn nền tới Hxd =MN(III) (mực nước báo động cấp III) + 0,3m.
- *Đối với khu dự kiến xây mới:*

Hxd dân dụng= MN(III) + 0,3m.

Hxd công trình công cộng = MN (III) + 0,7m.

Hxd khu vực công nghiệp =MN (III) + 1,0m.

- Hướng thoát nước chính: thoát về sông Nổ, song Rào Nổ, Sông Tiêm và đổ ra sông Ngàn Sâu

CẤP NƯỚC

-*Tổng nhu cầu cấp nước khoảng*: **30.800** m3/ngđ

+ Sinh hoạt: khoảng **22.700** m3/ngđ với tiêu chuẩn **120** lít/người/ngđ

+ Sản xuất: khoảng **8.100** m3/ngđ

- *Nguồn nước*: chủ yếu khai thác nguồn nước thô từ sông Tiêm, sông Ngàn Sâu, hồ Đá Hàn, hồ Khe Trồi, hồ Khe Con (theo định hướng QH tỉnh)

- Nhà máy nước:

+ NMN Hương Khê hiện trạng: Duy trì cs theo thiết kế *9.000* m3/ngđ cấp nước cho khu vực Hương Khê, Hương Đô

+ QH NMN Hương Xuân: CS dự kiến *4.000* m3/ngđ cấp nước cho khu vực Hương Xuân và 1 phần phía Nam xã Phúc Trạch

+ QH NMN Phúc Trạch: CS dự kiến *4.800* m3/ngđ cấp nước cho khu vực Phúc Trạch, và 1 phần khu vực Hương Đô

+ QH NMN Hương Phố: CS dự kiến *6.000* m3/ngđ cấp nước cho khu vực Hương phố và phía Đông khu vực Hà Linh

+ QH NMN Hương Bình: CS dự kiến *7.000* m3/ngđ cấp nước cho khu vực Hương Bình và phía Tây khu vực Hà Linh

+ QH NMN đập Mưng – xã Hà Linh. CS dự kiến *4.000* m3/ngđ cấp nước cho khu vực Hà Linh và CCN Hà Linh



02 Định hướng không gian liên kết vùng

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian tổng thể 7 xã

CẤP ĐIỆN

-Tổng nhu cầu cấp điện khoảng: **125.100** kVA

+ Sinh hoạt: khoảng **47.700** kVA

+ Sản xuất: khoảng **77.400** kVA

- Nguồn điện: Từ trạm 110kV Hương Khê hiện trạng tại khu vực xã Hương Khê. CSQH: **2x63** mVA (theo định hướng QH tỉnh)

HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

-Tổng nhu cầu cấp TTLL khoảng: **200.000** Lines

- Nguồn cấp: Từ hệ thống thông tin liên lạc của khu vực thông qua Host Hương Khê quy hoạch với dung lượng khoảng 200.000 lines

THOÁT NƯỚC THẢI

-Tổng lượng nước thải khoảng: **24.850** m3/ngđ

+ Sinh hoạt: khoảng **18.150** m3/ngđ

+ Sản xuất: khoảng **6.700** m3/ngđ

- Khu vực trung tâm xã:

+ Khu vực dân cư HT: sử dụng hệ thống thoát nước thải nửa riêng.

+ Khu vực phát triển mới sử dụng hệ thống nước thải riêng. Nước thải được tách khỏi nước mưa dẫn về Trạm XLNT.

- Khu vực phát triển công nghiệp: Sử dụng hệ thống nước thải riêng. Nước thải được thu gom triệt để và dẫn về trạm xử lý cục bộ trong từng khu vực.

CHẤT THẢI RẮN

-Tổng khối lượng CTR khoảng: **371,9** tấn/ngđ

+ Sinh hoạt: khoảng **170,2** tấn/ngđ

+ Sản xuất: khoảng **201,7** tấn/ngđ

- CTR sinh hoạt: Tiếp tục duy trì hoạt động của lò đốt rác tại xã Hương Phố

- CTR công nghiệp : thu gom, vận chuyển riền đến nơi xử lý theo định hướng QH tỉnh tại Nhà máy chế biến chất thải công nghiệp tại xã Kỳ Hoa và nhà máy điện rác Hồng Lộc

NGHĨA TRANG

- Chỉnh trang, cải tạo các nghĩa trang hiện hữu đảm bảo hợp vệ sinh và khoảng cách ly môi trường

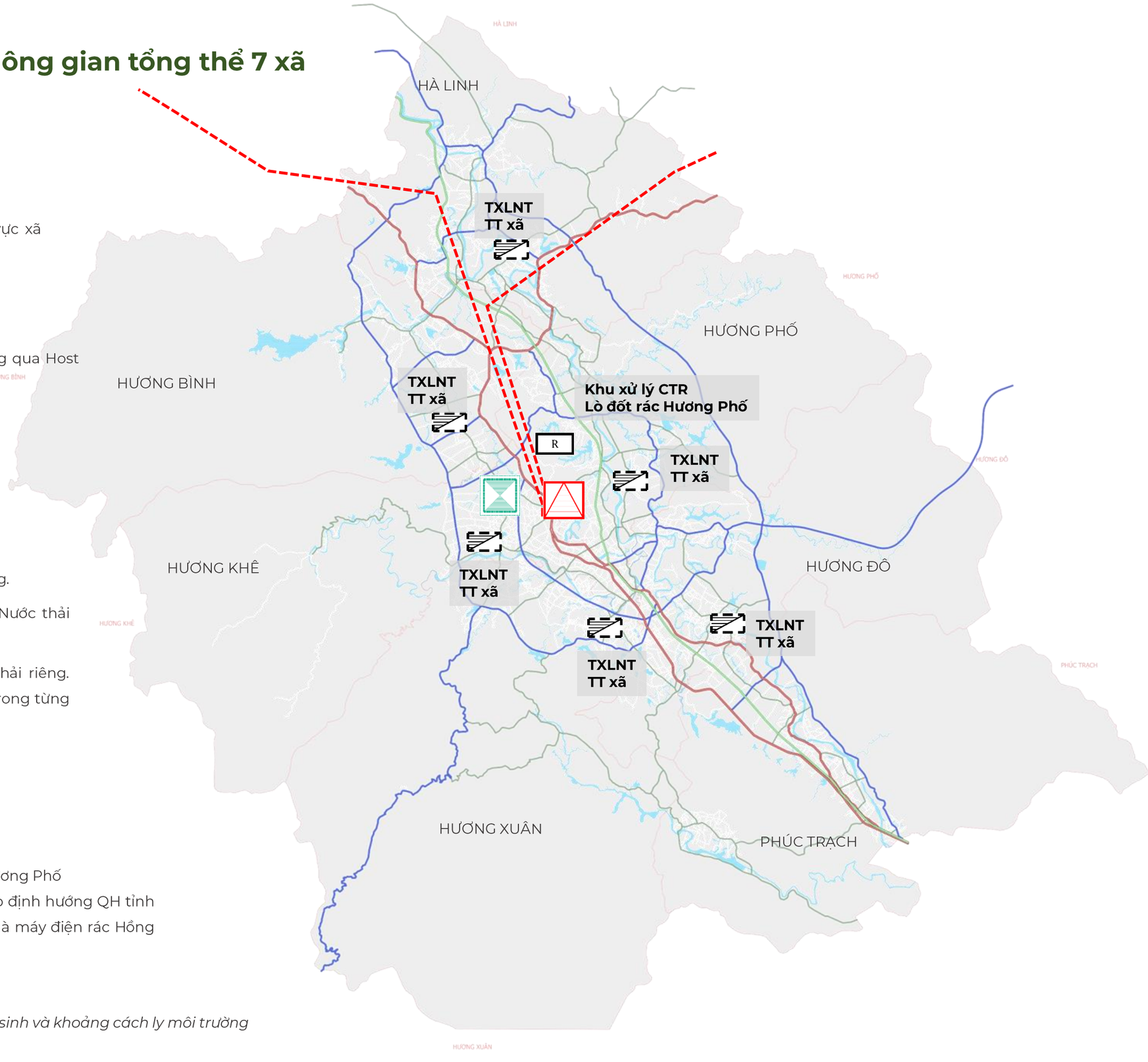

BÁO CÁO QUY HOẠCH

PHẦN 2

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH CHUNG

HƯƠNG PHỐ

TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2050

HÀ TĨNH, THÁNG 8/ 2026

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Tổng hợp những vấn đề từ thực trạng hiện nay

1. Địa hình, thủy văn

Địa hình chủ yếu là **đồi núi thấp xen thung lũng và đồng bằng ven sông Ngàn Sâu**, bị chia cắt bởi nhiều khe suối; nguồn nước phong phú nhưng thường chịu ảnh hưởng của ngập lụt.

2. Đặc điểm dân cư, dân số

Dân cư **phân bố tập trung dọc đường Hồ Chí Minh, đường sắt và các tuyến đường huyện**, mật độ cao tại khu vực Gia Phố, thưa hơn ở vùng đồi núi.

3. Đặc điểm nông nghiệp

Nông nghiệp phát triển theo hướng **cây ăn quả đặc sản (bưởi Phúc Trạch, cam), lúa, cây màu, lâm nghiệp và chăn nuôi**, trong đó kinh tế vườn giữ vai trò nổi bật.

4. Đặc điểm sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ

Thương mại, dịch vụ phát triển dọc đường Hồ Chí Minh và khu vực Gia Phố; tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông lâm sản phát triển nhưng quy mô còn nhỏ.

5. Đặc điểm hạ tầng xã hội

Hệ thống **giáo dục, y tế, văn hóa và hành chính** cơ bản đáp ứng nhu cầu, từng bước được đầu tư theo tiêu chí nông thôn mới.

6. Đặc điểm giao thông và hạ tầng kỹ thuật

Có lợi thế với **đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc – Nam và các tuyến đường huyện**; lưới điện phủ kín, cấp nước và môi trường từng bước được cải thiện nhưng chưa đồng bộ.

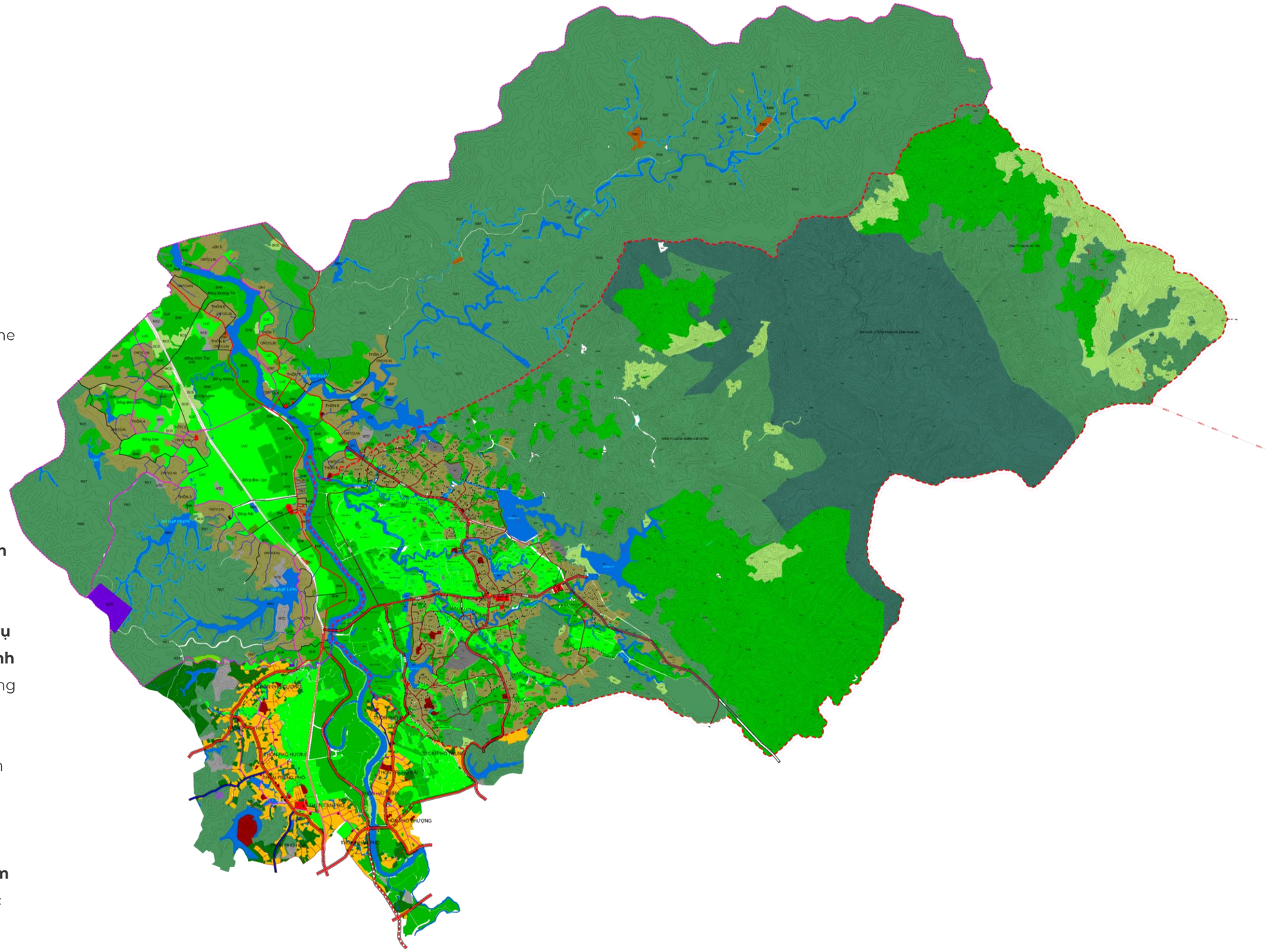

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Tổng hợp những vấn đề từ thực trạng hiện nay

Tính chất

- Là xã nông thôn, định hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với chăn nuôi
- Là khu vực cửa ngõ phía Nam- kết nối với cao tốc đi cửa khẩu và KKT Vũng Áng
- Nằm trên 3 phân vùng kinh tế là vùng lõi dọc theo các tuyến đối ngoại và vùng kinh tế đồi rừng phía Đông

Dân số dự kiến : khoảng 23.250 dân

Ưu điểm nổi bật

1. Có tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua địa bàn.
2. Hệ thống giao thông huyện lộ và liên xã khá hoàn chỉnh (ĐH52, ĐH56, ĐH57, ĐH52B, ĐH53B, LX03, LX08...).
3. Có vùng sản xuất nông nghiệp tương đối tập trung, đặc biệt là cây ăn quả, bưởi
4. Quỹ đất phát triển sản xuất và dịch vụ còn tương đối lớn,
5. Vị trí trung gian giữa Hương Khê – Hà Linh – Hương Đô – Phúc Trạch, thuận lợi hình thành trung tâm chế biến

Hạn chế, tồn tại

1. Chưa khai thác hiệu quả lợi thế đường sắt, chưa có ga hàng hóa, kho bãi.
2. Nhiều tuyến đường nội đồng, đường thôn xóm còn nhỏ hẹp,
3. Sản xuất nông nghiệp còn phân tán, quy mô hộ nhỏ lẻ, liên kết sản xuất chưa cao
4. Thiếu cơ sở chế biến, bảo quản và trung tâm giao dịch nông sản.
5. Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ sản xuất còn nhỏ lẻ, chưa hình thành động lực kinh tế rõ nét cho toàn xã

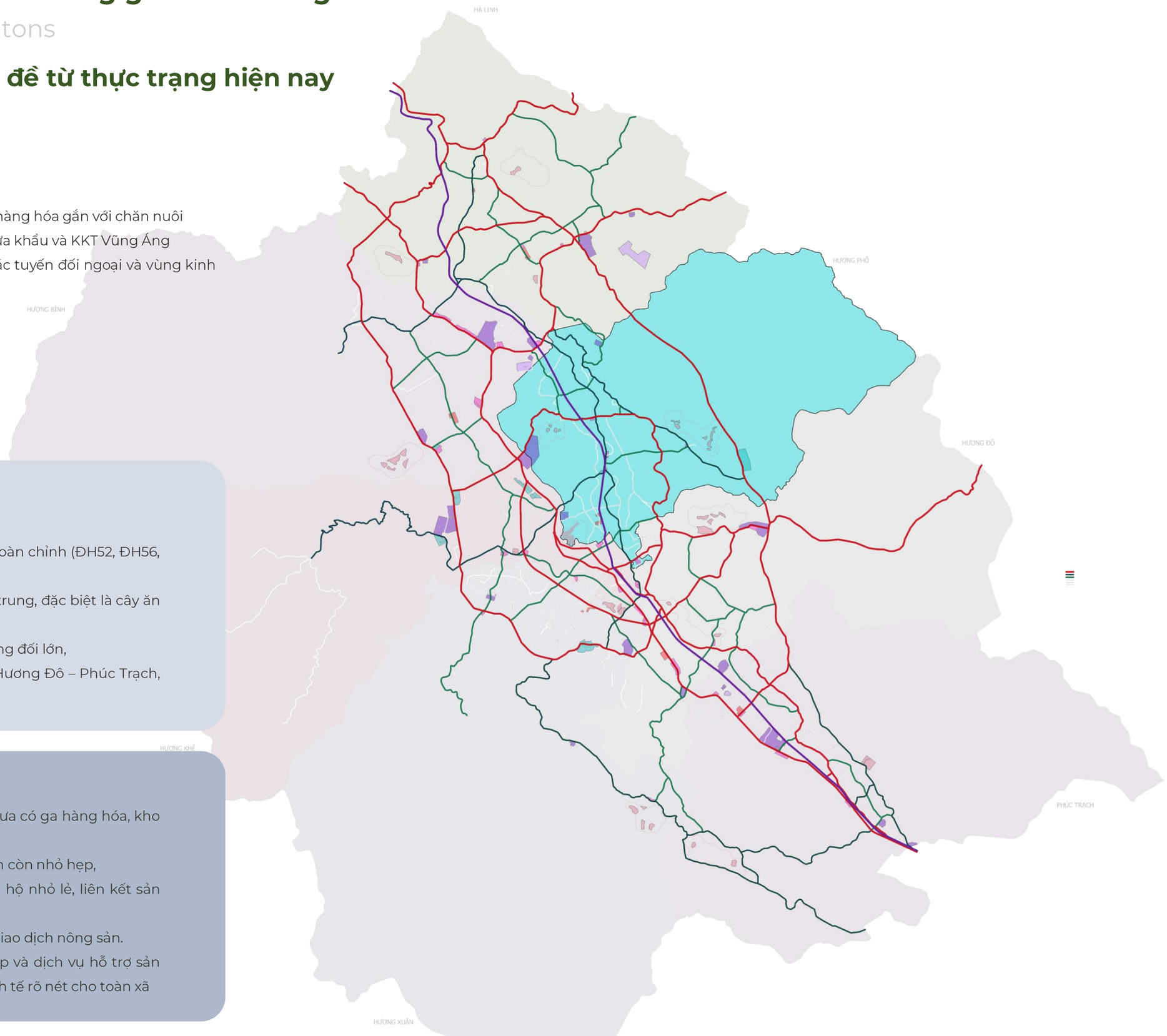

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Những nội dung đề xuất

1. Định hướng không gian nông- lâm – ngư nghiệp, chăn nuôi

2. Định hướng không gian cho hoạt động CN- TTCN- Năng lượng

3. Định hướng không gian cho hoạt động TM- DV

4. Định hướng không gian cho hoạt động Dịch vụ Du lịch

5. Định hướng không gian hệ thống công trình công cộng và trung tâm xã

6. Định hướng không gian các điểm dân cư

7. Định hướng mạng giao thông và hệ thống hạ tầng khung

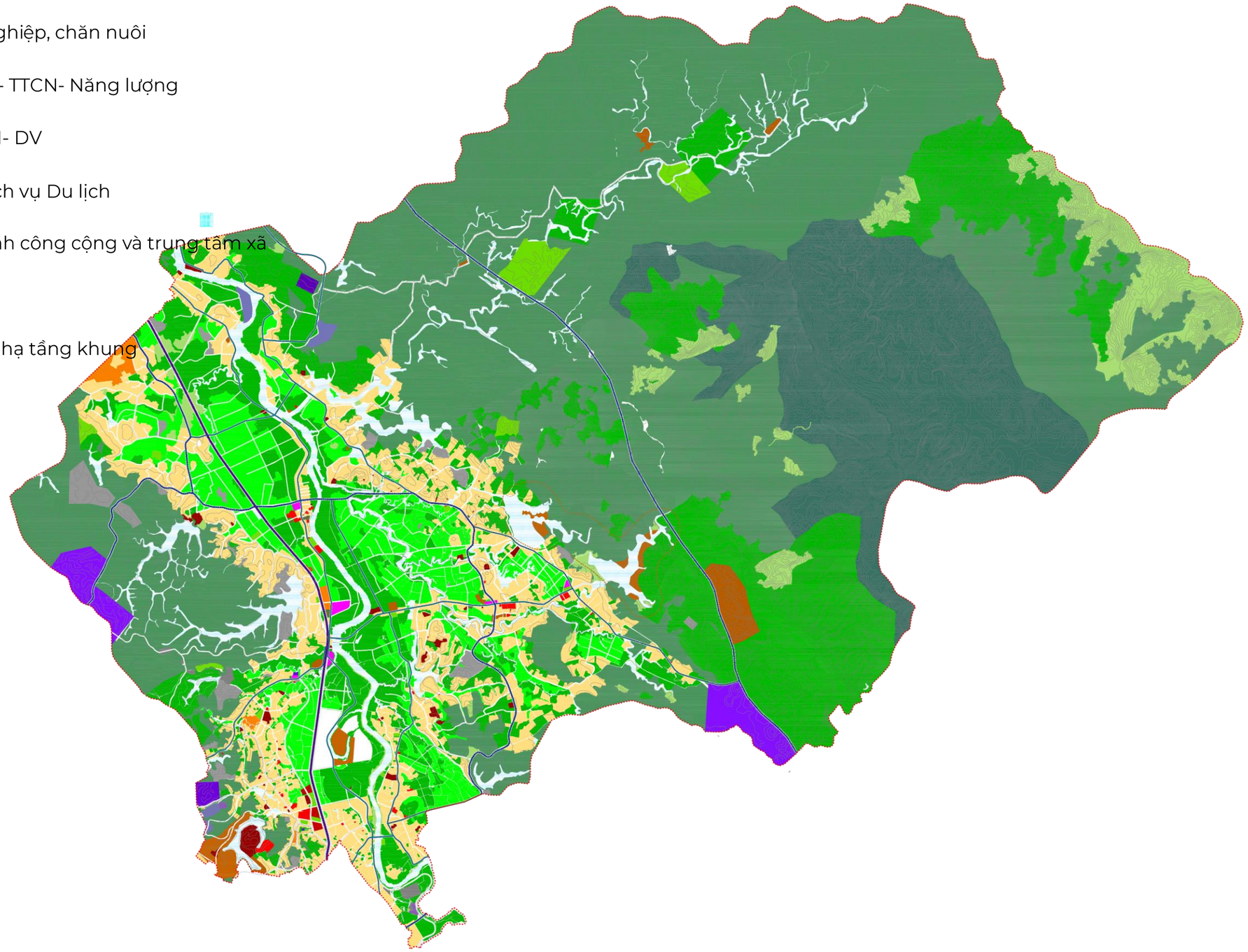

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian

Phân vùng nông – lâm nghiệp

- Diện tích cho nông nghiệp có xu hướng giảm
- Giảm diện tích trồng cây hàng năm và tăng diện tích trồng cây lâu năm
- Giảm diện tích đất rừng sản xuất và xu hướng tang nhiều diện tích cho phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại tập trung lớn
- Bảo vệ diện tích rừng phòng hộ

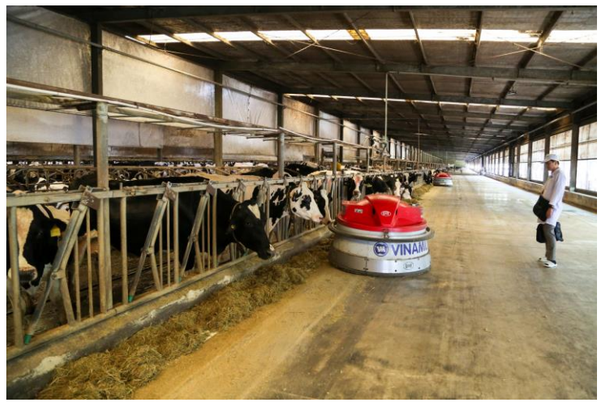



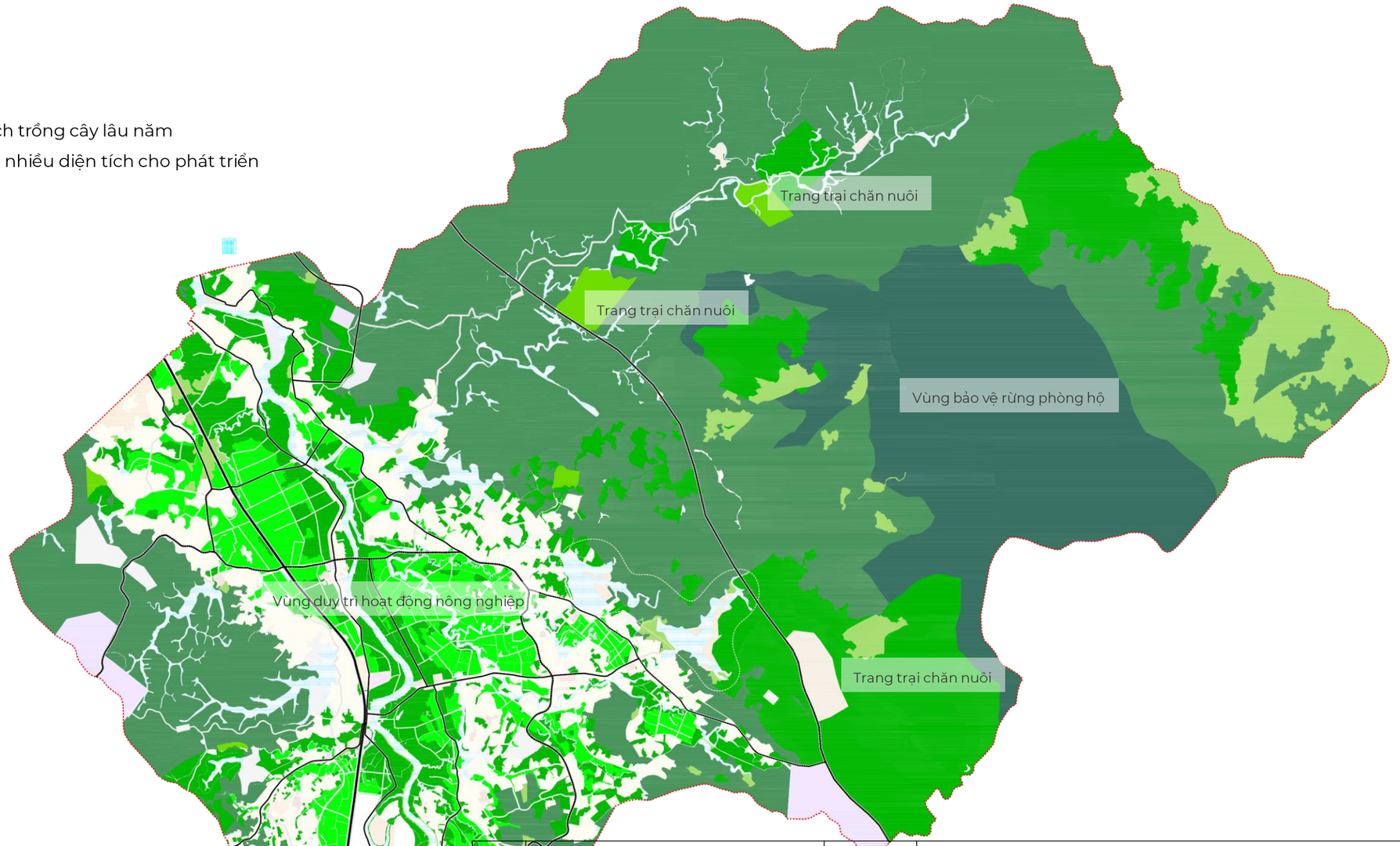

STT	Chức năng	Mã đất	Hiện trạng	QH đến 2030		QH đến 2050	
			Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	Tăng/giảm	Diện tích (ha)	Tăng/giảm
1	**Đất nông nghiệp**		**12,199.16**	**12,029.90**	**-169.26**	**11,750.50**	**-448.66**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	766.69	745.94	-20.75	745.94	-20.75
1.2	Đất trồng trọt khác		1,961.52	1,995.29	33.77	1,976.76	15.24
1.2.1	*Trồng cây hàng năm*	*HNK*	*640.15*	*540.86*	-99.29	*522.33*	*-117.82*
1.2.2	*Trồng cây lâu năm*	*CLN*	*1,321.37*	*1,454.43*	133.06	*1,454.43*	*133.06*
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	8,382.14	8,031.10	-351.04	7,720.83	-661.31
1.4	Đất rừng đặc dung	RDD	-	-	0.00	-	0.00
1.5	Đất rừng phòng hô	RPH	1,071.69	1,071.69	0.00	1,071.69	0.00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	17.12	17.06	-0.06	17.06	-0.06
1.7	Đất làm muối	LMU	-	-	0.00	-	0.00
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	168.82	168.82	218.22	218.22

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian

Phát triển không gian sản xuất, công nghiệp

1. Cụm công nghiệp Hương Long (1 phần diện tích nằm tại xã Hương Khê

   Hoạt động: Đa ngành, hỗ trợ phát triển hàng hóa nông – lâm sản

   Quy mô: Khoảng 75 ha (có 25 ha thuộc xã Hương Khê)

2. Cụm công nghiệp Gia Phố

   Hoạt động: Đa ngành, hỗ trợ phát triển hàng hóa nông – lâm sản

   Quy mô: Khoảng 11 ha

3. Điểm tiểu thủ công nghiệp khai thác lợi thế đường 553 và đường HL2

   Hoạt động: Đa ngành, hỗ trợ phát triển hàng hóa nông – lâm sản

   Quy mô: Khoảng 50ha

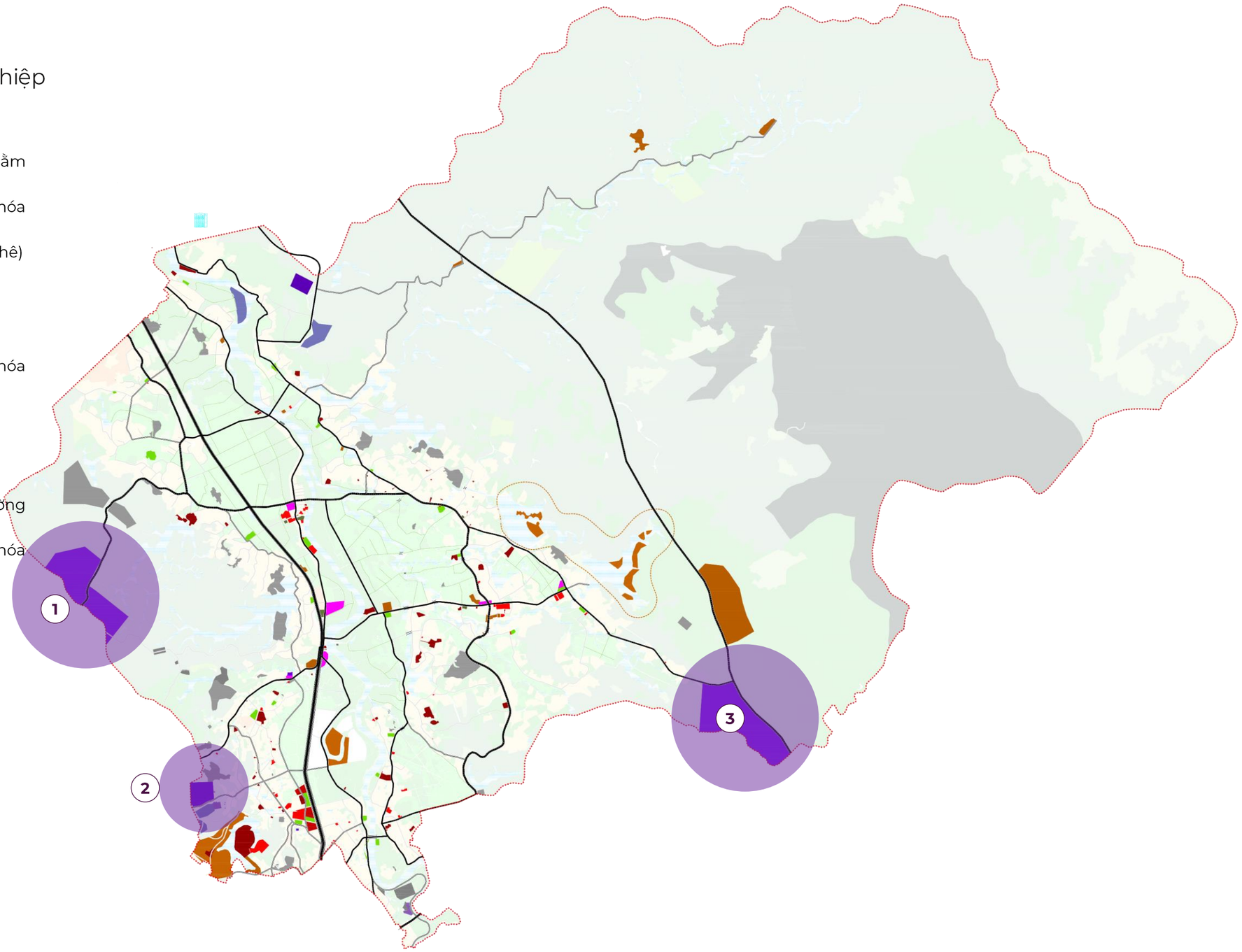

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian

Phát triển không gian thương mại – dịch vụ

1. Trung tâm thương mại tại đường Lê Hữu Trác

   Hoạt động: Thương mại, Quảng bá sản phẩm nông sản

   Quy mô: Khoảng 5.1ha

2. Điểm thương mại đầu mối hàng nông sản – gắn với ga đường sắt

   Hoạt động: Thương mại, Chợ đầu mối, Quảng bá sản phẩm nông sản

   Quy mô: Khoảng 9.3ha

3. Điểm thương mại dịch vụ nông nghiệp tại tuyến nối đường vành đai phát triển phía Đông Bắc

   Hoạt động: Kho bãi, Quảng bá sản phẩm nông sản, hướng nghiệp

   Quy mô : khoảng 1 ha

4. Điểm thương mại dịch vụ tổng hợp

   Hoạt động: Kho bãi, Quảng bá sản phẩm nông sản, hướng nghiệp

   Quy mô : khoảng 2.5 ha

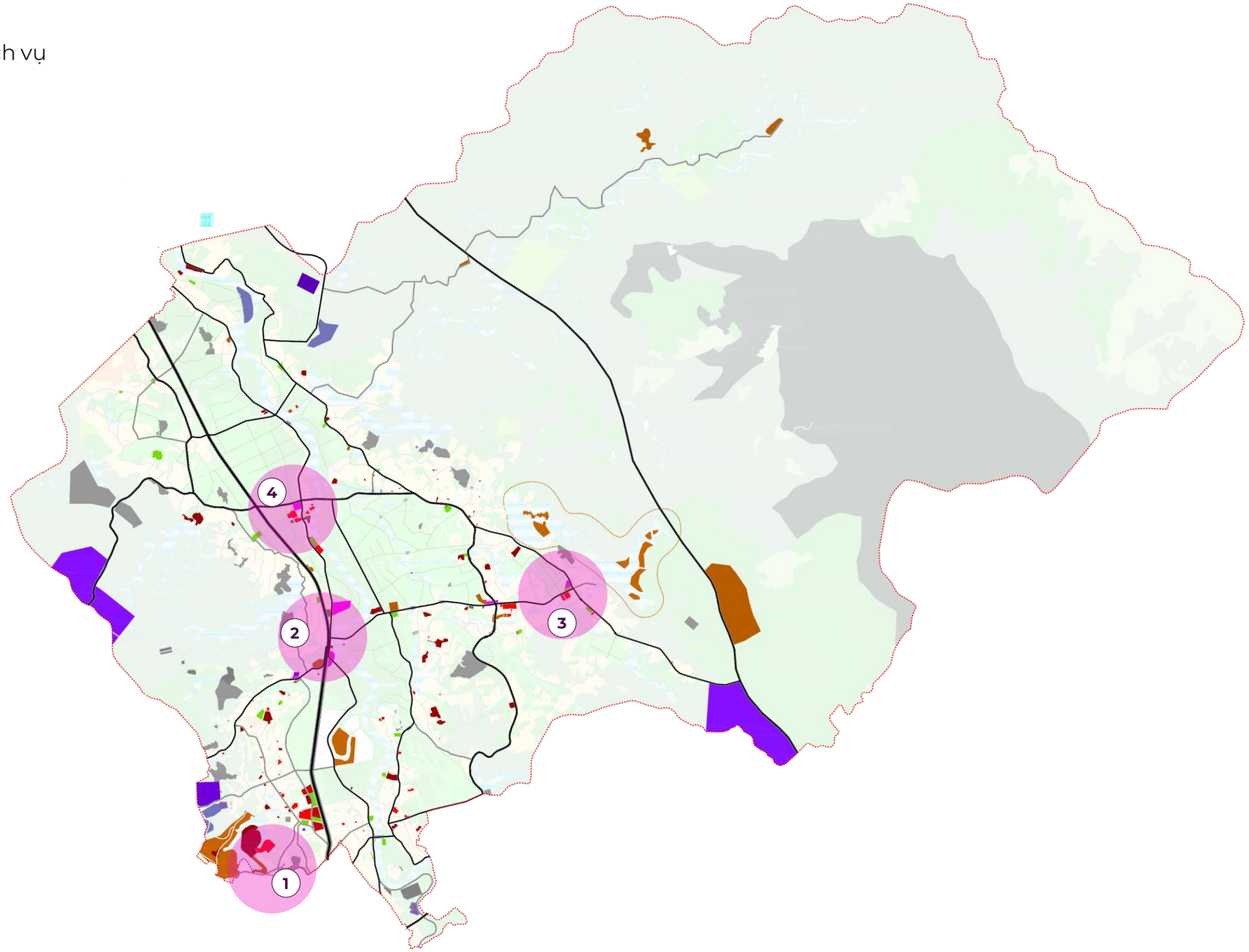

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian

Phát triển không gian du lịch

1. Vùng du lịch tâm linh **chùa Đại Giác**
   - Trải nghiệm không gian văn hóa tín ngưỡng
   - Trải nghiệm văn hóa cộng đồng, lễ hội



2. Phát triển hoạt đông du lịch sinh thái
   - Trải nghiệm không gian nước
   - Trải nghiệm các hoạt động vui chơi, khám phá
   - Lưu trú
   - Dự kiến hình thành khu chức năng du lịch khoảng 6 ha

3. Phát triển hoạt đông du lịch sinh thái hồ trên núi tại xã Hương Giang cũ
   - Trải nghiệm không gian nước
   - Trải nghiệm các hoạt động vui chơi, khám phá
   - Lưu trú
   - Dự kiến hình thành khu chức năng du lịch khoảng 15,8 ha

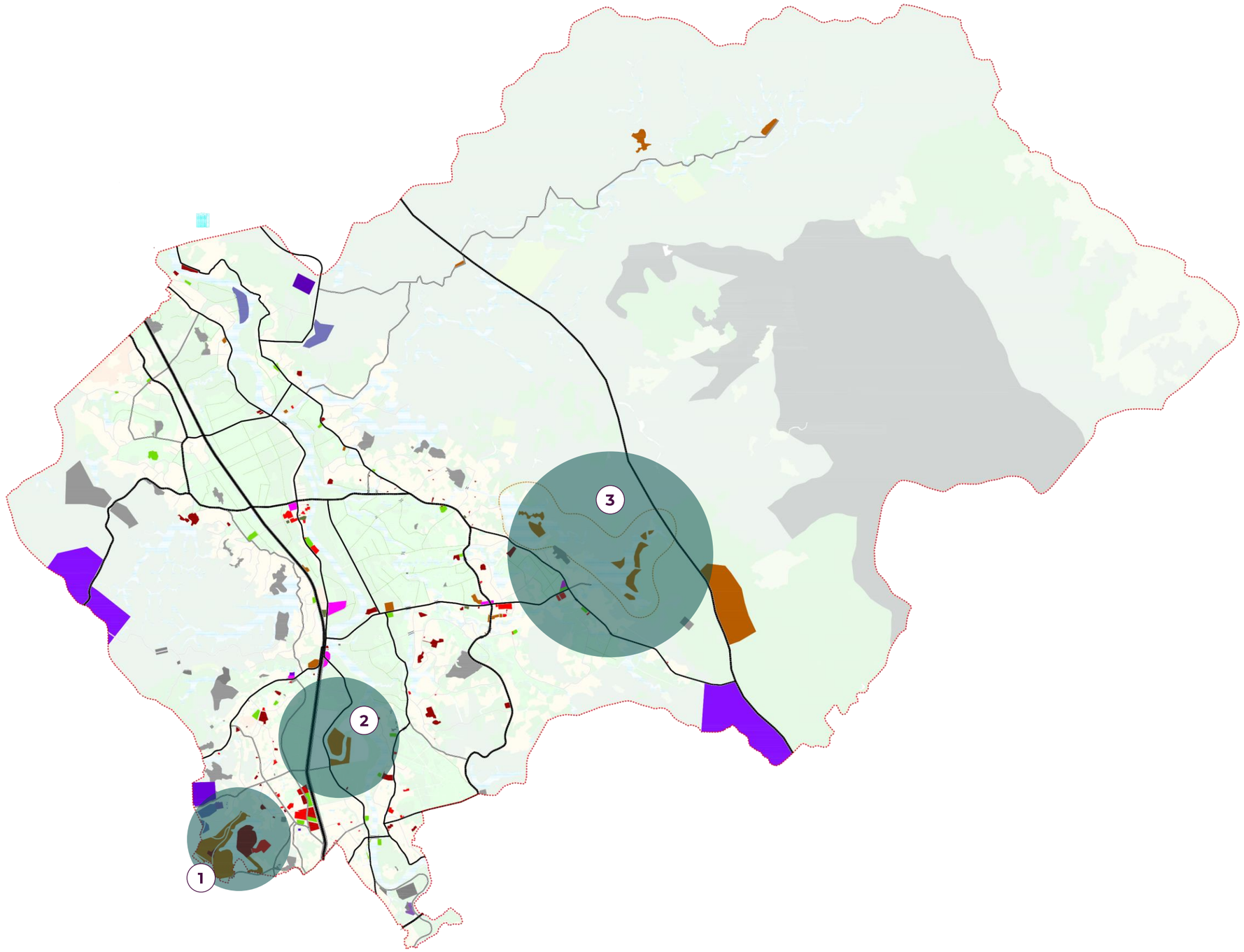

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian

Phát triển hạ tầng xã hội và trung tâm dịch vụ công cộng

1 **Trung tâm xã – mở rộng tại khu vực hiện nay**

Quy mô khoảng 16 ha

Công trình xây dựng đồng bộ với các khu dân cư nông thôn mới

2 **Định hướng phát triển trung tâm xã cũ trở thành trung tâm đơn vị ở nông thôn –** đã đáp ứng

Các vị trí được cải tạo để đáp ứng yêu cầu phục vụ về giao dục, y tế, văn hóa cấp tiểu vùng

Chuyển đổi các trung tâm xã cũ sang các mục đích công cộng, chú trọng vào:

- Giáo dục: có thể sử dụng cho các trường mầm non
- Y tế: Mở rộng không gian khám chữa bệnh
- Dịch vụ công: Có thể sử dụng là các điểm phục vụ dịch vụ công cho hoạt động hành chính, quản lý

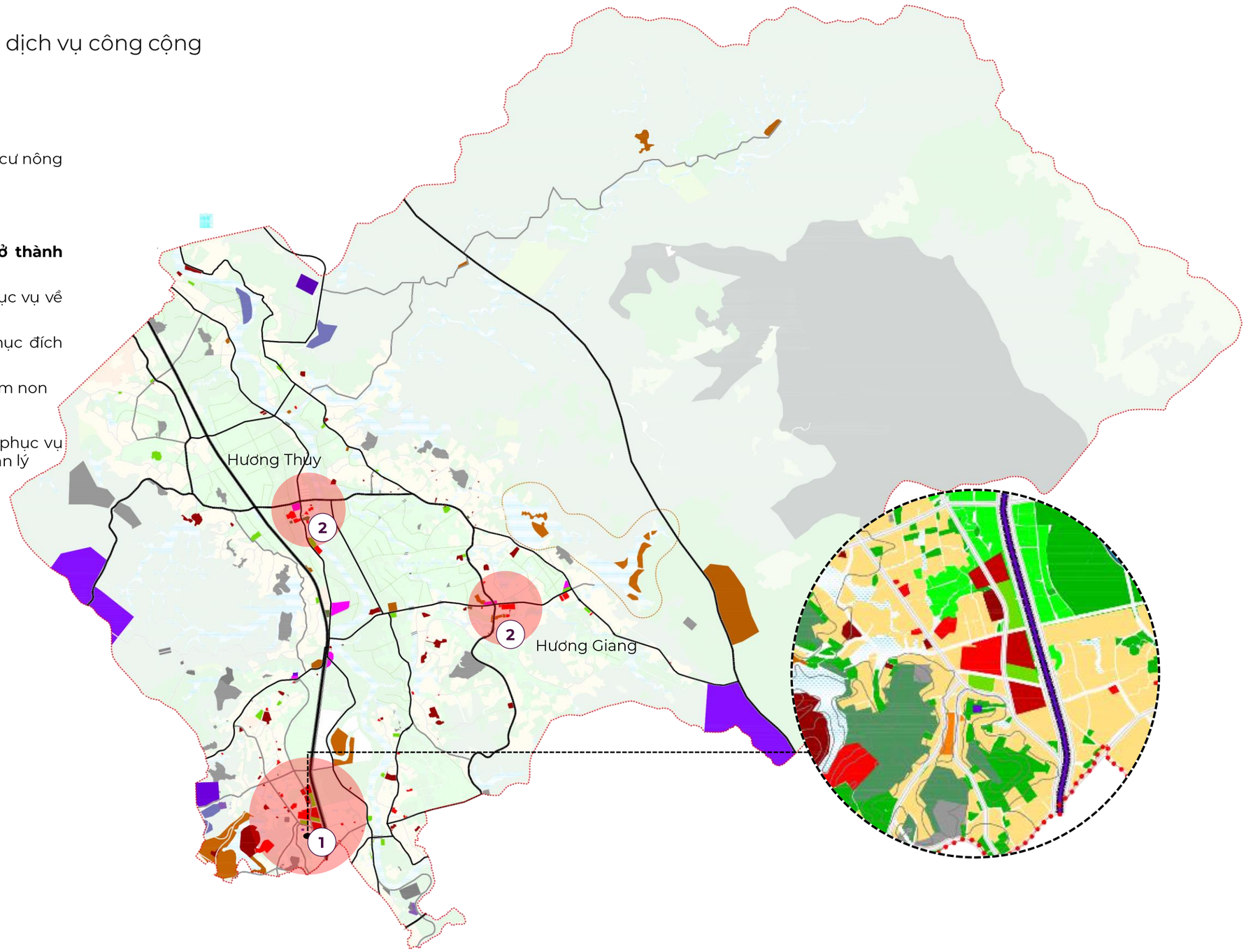

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng phát triển không gian

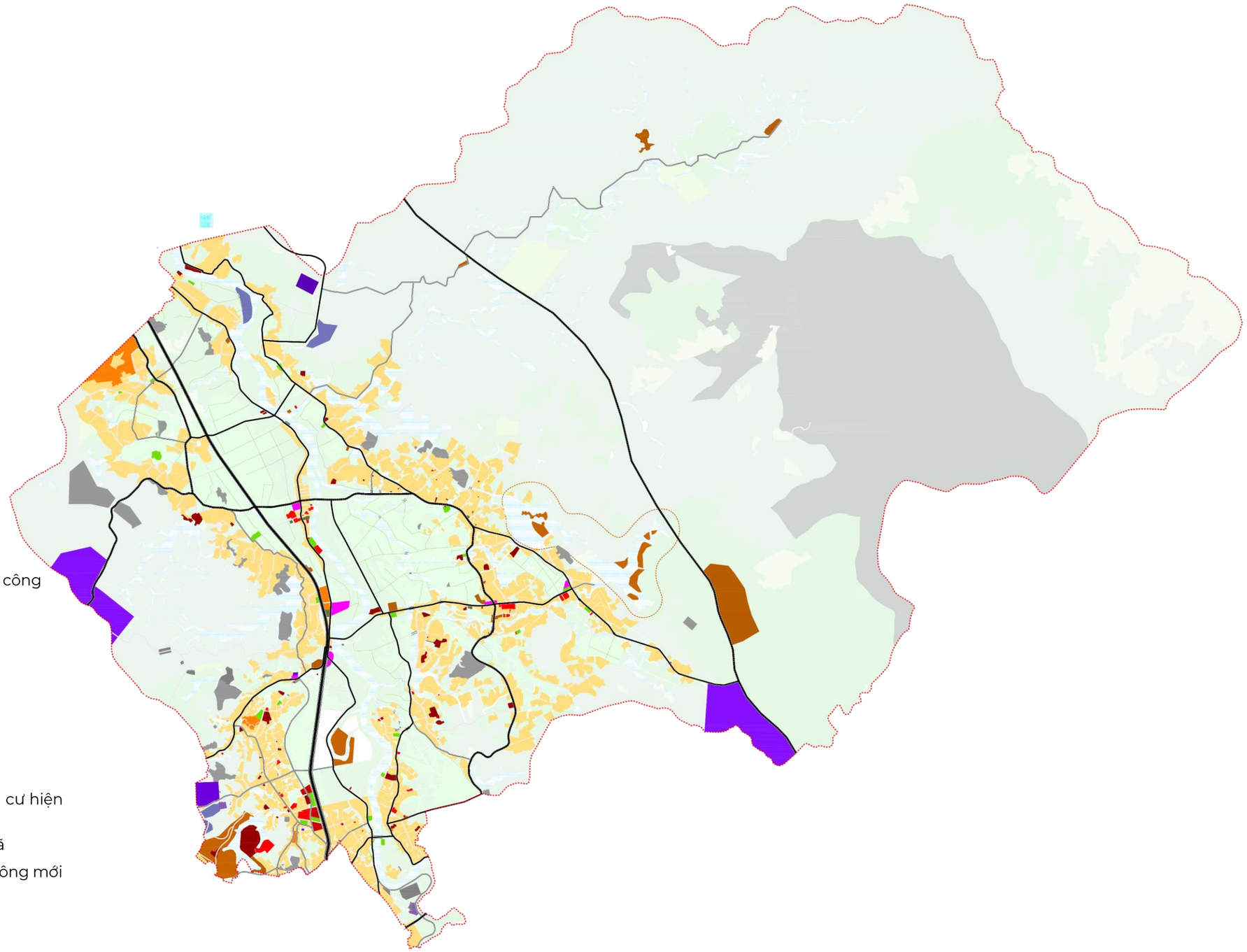

Phân bố và phát triển dân cư

1 Đất ở hiện trạng

Quy mô hiện có: 123,12ha

Duy trì ổn định, tập trung vào nâng cấp chất lượng công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

Tăng cường thêm không gian xanh, khu vui chơi

2 Đất ở mới

Quy mô tăng thêm: 71,58 ha

Phát triển dân cư xen kẹp, lấp đầy vào các khu dân cư hiện hữu

Phát triển khu dân cư hỗn hợp gắn với trung tâm xã

Phát triển các khu dân cư gắn với các tuyến giao thông mới

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng tổ chức giao thông

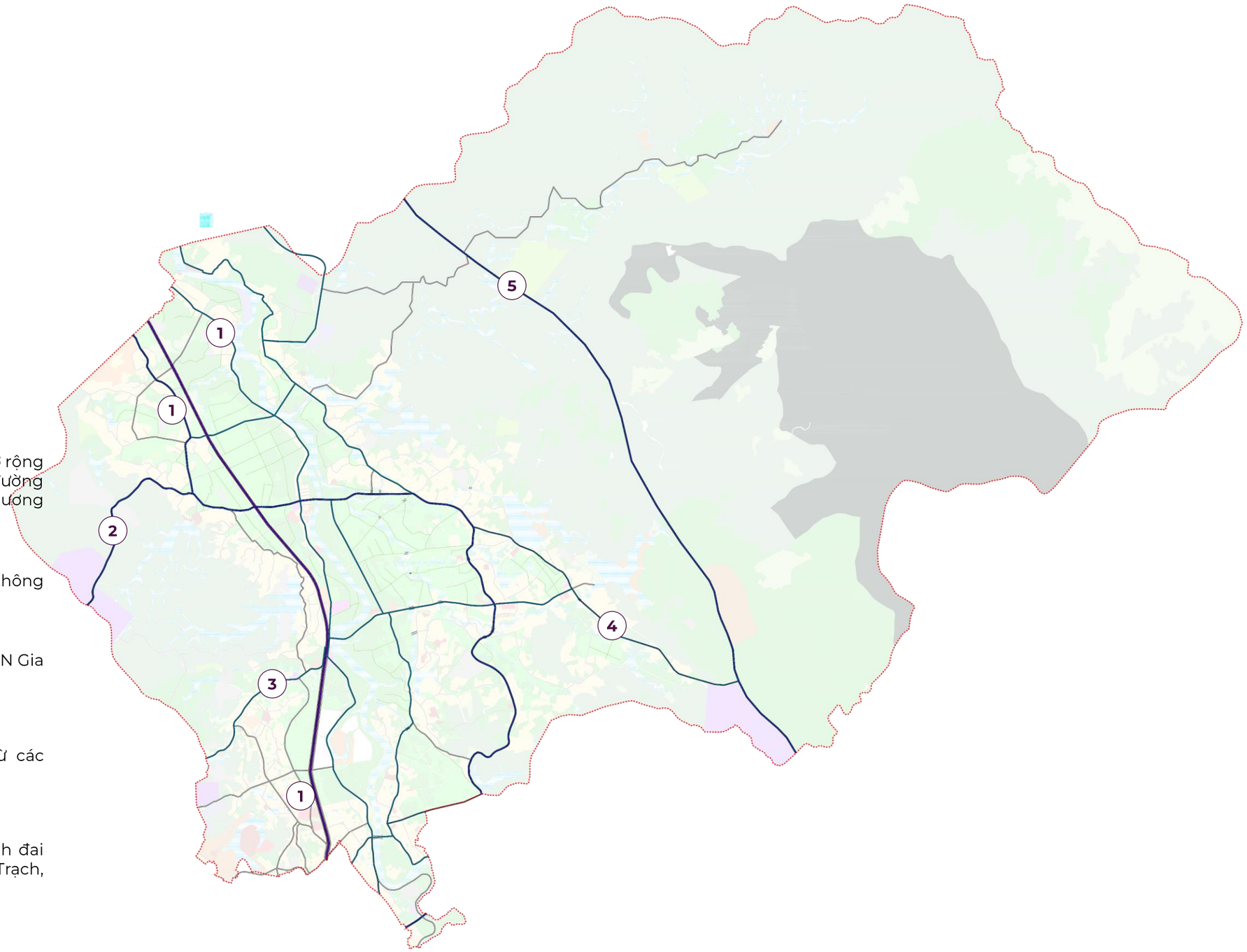

Điều chỉnh mạng lưới giao thông

1. Cải thiện chất lượng đường giao thông, mở rộng mặt cắt để tạo thuận lợi kết nối giữa đường QL15 (đoạn Hà Linh) với đường trục vào Hương Khê- đi qua xã Hương Giang cũ

2. Cải thiện mặt cắt, chất lượng đường giao thông kết nối với CCN Hương Long

3. Cải thiện mặt cắt giao thông kết nối với CCN Gia Phố

4. Cải tạo, tăng cường năng lực kết nối từ các tuyến vành đai kinh tế đi ra đường HCM

5. Nghiên cứu hình thành tuyến đường vành đai kinh tế phía Đông Bắc đi qua các xã Phúc Trạch, Hương Đô, Hương Phố, Hà Linh

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Đầu mối hạ tầng kỹ thuật

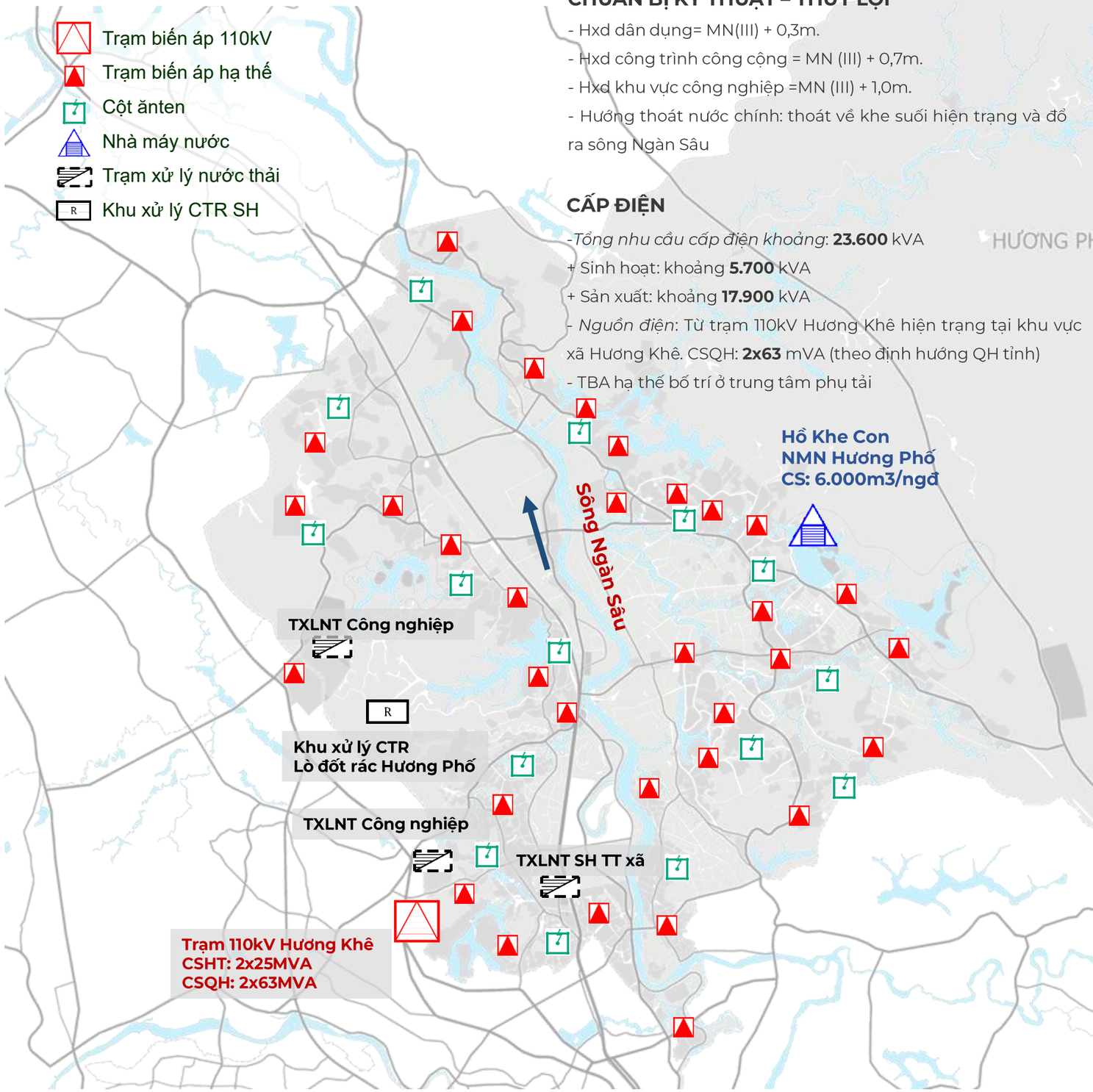

CHUẨN BỊ KỸ THUẬT – THỦY LỢI

- Hxd dân dụng= MN(III) + 0,3m.
- Hxd công trình công cộng = MN (III) + 0,7m.
- Hxd khu vực công nghiệp =MN (III) + 1,0m.
- Hướng thoát nước chính: thoát về khe suối hiện trạng và đổ ra sông Ngàn Sâu

CẤP ĐIỆN

-*Tổng nhu cầu cấp điện khoảng*: **23.600** kVA
+ Sinh hoạt: khoảng **5.700** kVA
+ Sản xuất: khoảng **17.900** kVA
- *Nguồn điện*: Từ trạm 110kV Hương Khê hiện trạng tại khu vực xã Hương Khê. CSQH: **2x63** mVA (theo định hướng QH tỉnh)
- TBA hạ thế bố trí ở trung tâm phụ tải

CẤP NƯỚC

-*Tổng nhu cầu cấp nước khoảng*: **5.100** m3/ngđ
+ Sinh hoạt: khoảng **3.300** m3/ngđ
+ Sản xuất: khoảng **1.800** m3/ngđ
- *Nguồn nước*: khai thác nguồn nước thô từ hồ Khe Con
- Nhà máy nước::+ QH NMN Hương Phố: CS dự kiến *6.000* m3/ngđ cấp nước cho khu vực Hương Phố và phía Đông khu vực Hà Linh

HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

-*Tổng nhu cầu cấp TTLL khoảng*: **24.500** Lines
- *Nguồn cấp*: Từ hệ thống thông tin liên lạc của khu vực thông qua Host Hương Khê quy hoạch với dung lượng khoảng 200.000 lines

THOÁT NƯỚC THẢI

-*Tổng lượng nước thải khoảng*: **4.100** m3/ngđ
+ Sinh hoạt: khoảng **2.600** m3/ngđ
+ Sản xuất: khoảng **1.500** m3/ngđ

- *Khu vực trung tâm xã*:

+ Khu vực dân cư HT: sử dụng hệ thống thoát nước thải nửa riêng.

+ Khu vực phát triển mới sử dụng hệ thống nước thải riêng. Nước thải được tách khỏi nước mưa dẫn về Trạm XLNT.

- *Khu vực phát triển công nghiệp*: Sử dụng hệ thống nước thải riêng. Nước thải được thu gom triệt để và dẫn về trạm xử lý cục bộ trong từng khu vực.

CHẤT THẢI RẮN

-*Tổng khối lượng CTR khoảng*: **70,5** tấn/ngđ
+ Sinh hoạt: khoảng **24,6** tấn/ngđ
+ Sản xuất: khoảng **45,9** tấn/ngđ
- *CTR sinh hoạt:* Tiếp tục duy trì hoạt động của lò đốt rác tại xã Hương Phố
- *CTR công nghiệp* : thu gom, vận chuyển riền đến nơi xử lý theo định hướng QH tỉnh tại Nhà máy chế biến chất thải công nghiệp tại xã Kỳ Hoa và nhà máy điện rác Hồng Lộc

NGHĨA TRANG

- Chỉnh trang, cải tạo các nghĩa trang hiện hữu đảm bảo hợp vệ sinh và khoảng cách ly môi trường

Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Định hướng quy hoạch sử dụng đất

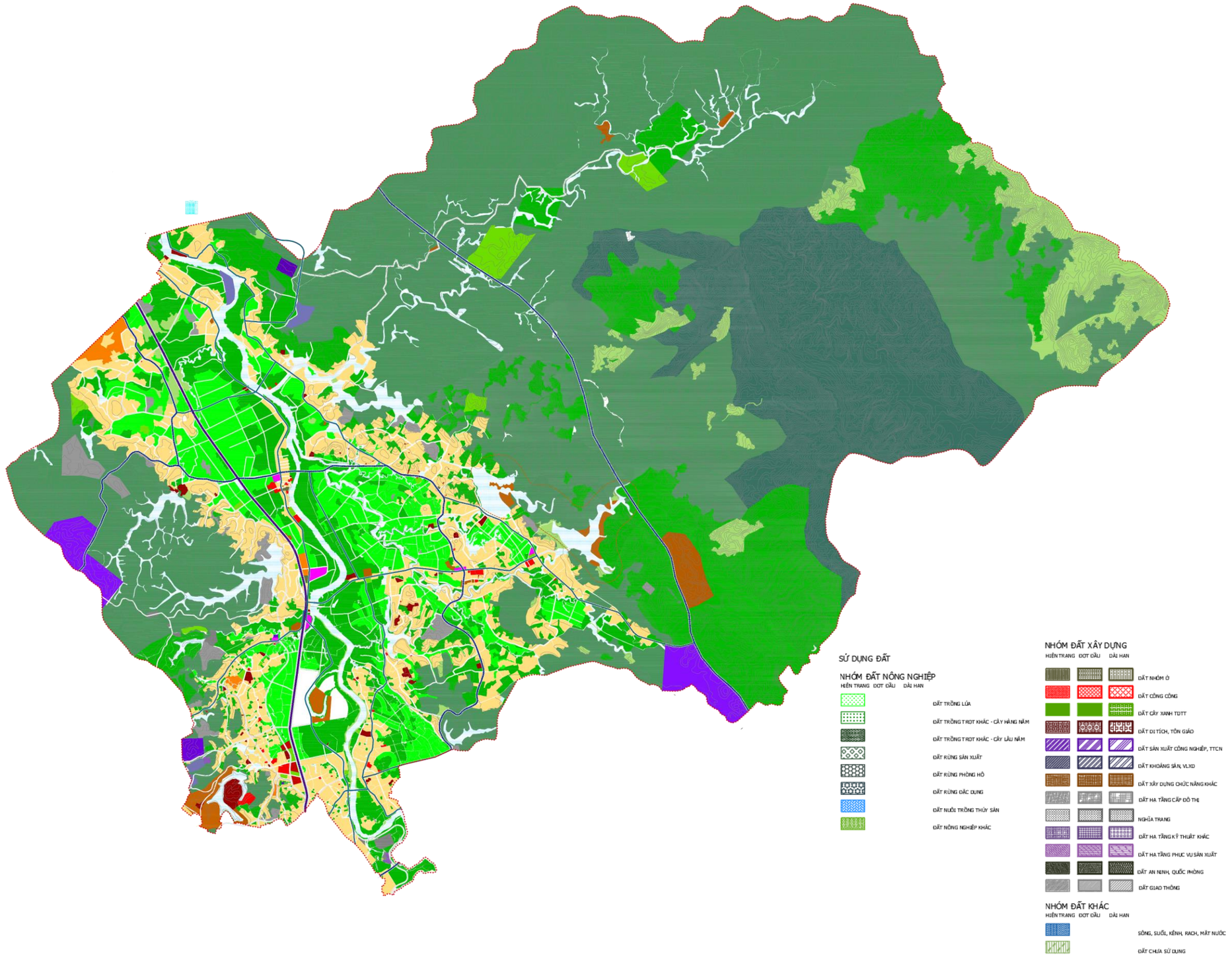

03 Định hướng tổ chức không gian xã Hương Phố

Development orientaitons

Bảng tổng hợp sử dụng đất

STT	Chức năng	Mã đất	Hiện trạng		QH đến 2030			QH đến 2050		
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng/giảm	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng/giảm
1	**Đất nông nghiệp**		**12,199.16**	**89.91**	**12,029.90**	**88.66**	**-169.26**	**11,750.50**	**86.61**	**-448.66**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	766.69	5.65	745.94	5.50	-20.75	745.94	5.50	-20.75
1.2	Đất trồng trọt khác		1,961.52	14.46	1,995.29	14.71	33.77	1,976.76	14.57	15.24
1.2.1	*Trồng cây hàng năm*	*HNK*	*640.15*	*4.72*	*540.86*	3.99	-99.29	*522.33*	*3.85*	*-117.82*
1.2.2	*Trồng cây lâu năm*	*CLN*	*1,321.37*	9.74	*1,454.43*	10.72	133.06	*1,454.43*	*10.72*	*133.06*
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	8,382.14	61.78	8,031.10	59.19	-351.04	7,720.83	56.91	-661.31
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	0.00	-	-	0.00
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1,071.69	7.90	1,071.69	7.90	0.00	1,071.69	7.90	0.00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	17.12	0.13	17.06	0.13	-0.06	17.06	0.13	-0.06
1.7	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	0.00	-	-	0.00
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	168.82	1.24	168.82	218.22	1.61	218.22
2	**Đất xây dựng**		**691.74**	**5.10**	**884.30**	**6.52**	**192.56**	**1,163.70**	**8.58**	**471.96**
2.1	Đất ở		123.12	0.91	165.22	1.22	42.10	194.70	1.44	71.58
2.1.1	*Đất ở tại đô thị*	*ODT*	-	-	-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
2.1.2	*Đất ở tại nông thôn*	*ONT*	*123.12*	*0.91*	*165.22*	*1.22*	*42.10*	*194.70*	*1.44*	*71.58*
2.2	Đất công cộng		37.86	0.28	41.95	0.31	4.09	43.93	0.32	6.07
2.2.1	*Trụ sở cơ quan*	*TSC*	*1.00*	*0.01*	*0.70*	*0.01*	*-0.30*	*1.70*	*0.01*	*0.70*
2.2.2	*Xây dựng công trình sự nghiệp*		*26.16*	*0.19*	*29.31*	*0.22*	*3.15*	*30.01*	*0.22*	*3.85*
+	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*0.07*	*0.00*	*0.07*	*0.00*	*0.00*	*0.27*	*0.00*	*0.20*
+	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*0.39*	*0.00*	*0.39*	*0.00*	*0.00*	*0.89*	*0.01*	*0.50*
+	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	*8.03*	*0.06*	*9.10*	*0.07*	*1.07*	*9.10*	*0.07*	*1.07*
+	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*	*DTT*	*13.10*	*0.10*	*12.72*	*0.09*	*-0.38*	*12.72*	*0.09*	*-0.38*
+	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	*DKG*	-	-	-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
+	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*	-	-	-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
+	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*	-	-	*0.09*	*0.00*	*0.09*	*0.09*	*0.00*	*0.09*
+	*Đất sinh hoạt cộng đồng*	*DSH*	*4.57*	*0.03*	*6.94*	*0.05*	*2.37*	*6.94*	*0.05*	*2.37*
+	*Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*	*DTS*	-	-	-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
+	*Đất xây dựng cơ sở ngoại giao*	*DNG*	-	-	-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
2.2.3	*Đất thương mại - dịch vụ*	*TMD*	*10.46*	*0.08*	*11.59*	*0.09*	*1.13*	*10.79*	*0.08*	*0.33*
2.2.4	*Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối*	*DCH*	*0.24*	*0.00*	*0.35*	*0.00*	*0.11*	*1.43*	*0.01*	*1.19*
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	DKV	-	-	0.91	0.01	0.91	11.41	0.08	11.41
2.4	Đất tôn giáo, danh lam, di tích, đình đền		23.07	0.17	47.56	0.35	24.49	47.56	0.35	24.49
2.4.1	*Đất có di tích, danh lam*	*DDL*	-	-	-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
2.4.2	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*DDT*	-	-	*8.82*	*0.07*	*8.82*	*8.82*	*0.07*	*8.82*
2.4.3	*Đất tôn giáo*	*TON*	*16.11*	*0.12*	*28.46*	*0.21*	*12.35*	*28.46*	*0.21*	*12.35*
2.4.4	*Đất tín ngưỡng*	*TIN*	*6.96*	*0.05*	*10.28*	*0.08*	*3.32*	*10.28*	*0.08*	*3.32*
2.5	Đất công nghiệp, TTCN và làng nghề	CSK	4.06	0.03	21.10	0.16	17.04	161.01	1.19	156.95
2.5.1	*Đất khu công nghiệp*	*SKK*	-	-	-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
2.5.2	*Đất cụm công nghiệp*	*SKN*	-	-	*11.07*	*0.08*	*11.07*	*36.07*	*0.27*	*36.07*
2.5.3	*Đất khu công nghệ thông tin tập trung*	*SCT*		-		-	*0.00*	-	-	*0.00*
2.5.4	*Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*	*SKC*	*4.06*	*0.03*	*10.03*	*0.07*	*5.97*	*124.94*	*0.92*	*120.88*
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất VLXD		-	-	8.69	0.06	8.69	8.69	0.06	8.69
2.6.1	*Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*	*SKS*	-		-	-	*0.00*	-	-	*0.00*
2.6.2	*Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*	*SKX*	-		*8.69*	*0.06*	*8.69*	*8.69*	*0.06*	*8.69*
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	PNK	-	-	-	-	0.00	57.03	0.42	57.03
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật		443.49	3.27	501.67	3.70	58.18	541.67	3.99	98.18
2.8.1	*Đất giao thông*	*DGT*	*346.06*	*2.55*	*360.16*	*2.65*	*14.10*	*400.16*	*2.95*	*54.10*
2.8.2	*Đất xử lý chất thải rắn*	*DRA*	*4.11*	*0.03*	*10.77*	*0.08*	*6.66*	*10.77*	*0.08*	*6.66*
2.8.3	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*NTD*	*91.46*	*0.67*	*126.40*	*0.93*	*34.94*	*126.40*	*0.93*	*34.94*
2.8.4	*Đất hạ tầng kỹ thuật khác*		*1.86*	*0.01*	*4.34*	*0.03*	*2.48*	*4.34*	*0.03*	*2.48*
+	*Đất công trình cấp thoát nước*	*DCT*		-		-	*0.00*	-	-	*0.00*
+	*Đất công trình phòng chống thiên tai*	*DPC*		-		-	*0.00*	-	-	*0.00*
+	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*1.69*	*0.01*	*3.51*	*0.03*	*1.82*	*3.51*	*0.03*	*1.82*
+	*Đất công trình hạ tầng BCVT*	*DBV*	*0.17*	*0.00*	*0.83*	*0.01*	*0.66*	*0.83*	*0.01*	*0.66*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		60.14	0.44	86.99	0.64	26.85	86.99	0.64	26.85
2.9.1	*Đất công trình thủy lợi*	*DTL*	*60.14*	*0.44*	*86.99*	*0.64*	*26.85*	*86.99*	*0.64*	*26.85*
2.10	Đất quốc phòng, an ninh		-	-	10.21	0.08	10.21	10.71	0.08	10.71
2.10.1	*Đất quốc phòng*	*CQP*	-	-	*9.70*	*0.07*	*9.70*	*9.70*	*0.07*	*9.70*
2.10.2	*Đất an ninh*	*CAN*	-	-	*0.51*	*0.00*	*0.51*	*1.01*	*0.01*	*1.01*
3	**Đất khác**		**676.93**	**4.99**	**653.63**	**4.82**	**-23.30**	**653.63**	**4.82**	**-23.30**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	TVC	592.50	4.37	579.25	4.27	-13.25	579.25	4.27	-13.25
3.1.1	*Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*	*SON*	*355.61*	*2.62*	*355.61*	*2.62*	*0.00*	*355.61*	*2.62*	*0.00*
3.1.2	*Đất có mặt nước chuyên dùng*	*MNC*	*236.89*	*1.75*	*223.64*	*1.65*	*-13.25*	*223.64*	*1.65*	*-13.25*
3.2	Đất chưa sử dụng	CSD	84.43	0.62	74.38	0.55	-10.05	74.38	0.55	-10.05
	Tổng diện tích		**13,567.83**	**100.00**	**13,567.83**	**100.00**	**0.00**	**13,567.83**	**100.00**	**0.00**

Một số nội dung về hạ tầng kỹ thuật, sử dụng đất sẽ được hoàn thiện kèm theo bản đồ trên cơ sở thống nhất các định hướng phát triển không gian xã hiện nay

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

NGHIÊN CỨU Ý TƯỞNG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ HƯƠNG PHỐ

TỈNH HÀ TĨNH, TỶ LỆ 1/10.000